

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ TĨNH**

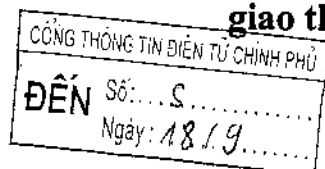
**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 61 /2014/QĐ-UBND

Hà Tĩnh, ngày 15 tháng 9 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định về quản lý, bảo trì và bảo vệ kết cấu hạ tầng
giao thông đường bộ địa phương trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh**



ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân năm 2004;

Căn cứ Luật Giao thông đường bộ ngày 13/11/2008;

Căn cứ Nghị định số 114/2010/NĐ-CP ngày 06/12/2010 của Chính phủ về bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ Quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; Nghị định số 100/2013/NĐ-CP ngày 03/9/2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ Quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

Căn cứ Thông tư số 39/2011/TT-BGTVT ngày 18/5/2011 của Bộ Giao thông Vận tải về việc Hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

Căn cứ Thông tư số 47/2012/TT-BGTVT ngày 12/11/2012 của Bộ Giao thông Vận tải quy định về tuần tra, kiểm tra bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

Căn cứ Thông tư số 52/2013/TT-BGTVT ngày 12/12/2013 của Bộ Giao thông Vận tải quy định về quản lý, khai thác và bảo trì công trình đường bộ;

Căn cứ Thông tư số 12/2014/TT-BGTVT ngày 29/4/2014 của Bộ Giao thông Vận tải Hướng dẫn quản lý, vận hành khai thác cầu trên đường giao thông nông thôn;

Căn cứ Thông tư số 07/2010/TT-BGTVT ngày 11 tháng 02 năm 2010 của Bộ Giao thông Vận tải về quy định tải trọng, quá khổ giới hạn, xe bánh xích trên đường bộ, vận chuyển hàng siêu trường siêu trọng trên đường bộ; Thông tư số 03/2011/TT-BGTVT ngày 22/02/2011 và Thông tư số 65/2013/TT-BGTVT ngày 31/12/2013 của Bộ Giao thông Vận tải về sửa đổi, bổ sung Thông tư số 07/2010/TT-BGTVT ngày 11/02/2010 quy định về tải trọng, quá khổ giới hạn của đường bộ; lưu hành xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe bánh xích trên

đường bộ; vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng; giới hạn xếp hàng hóa trên phương tiện giao thông đường bộ khi tham gia giao thông đường bộ;

Theo đề nghị của Sở Giao thông Vận tải tại Tờ trình số 1816/TTr-GTVT ngày 04/6/2014; Báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp tại Văn bản số 461/BC-STP ngày 25/5/2014,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về quản lý, bảo trì và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ địa phương trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 51/2012/QĐ-UBND ngày 07/9/2012 của UBND tỉnh.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Giao thông Vận tải, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Công Thương, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Nội vụ, Thông tin và Truyền thông, Tư pháp; Trưởng ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh; Quỹ Bảo trì đường bộ tỉnh; Chủ tịch UBND huyện, thành phố, thị xã; Chủ tịch UBND xã, phường, thị trấn và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 2;
 - Website Chính phủ;
 - Bộ Giao thông Vận tải;
 - Cục kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
 - Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
 - Bí thư, các Phó Bí thư Tỉnh ủy;
 - Thường trực HĐND tỉnh;
 - Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
 - Chánh, các PVP UBND tỉnh;
 - Trung tâm Công báo - Tin học tỉnh;
 - Lưu: VT, GT, GT₁.
- Gửi : VB giấy và điện tử.



**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Võ Kim Cự

QUY ĐỊNH

**Về quản lý, bảo trì và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông
đường bộ địa phương trên địa bàn tỉnh**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 61 /2014/QĐ-UBND
ngày 15 /9/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh)*

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng.

1. Phạm vi điều chỉnh.

a) Quy định về quản lý, bảo trì và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ địa phương, gồm: Đường tỉnh, đường đô thị, đường huyện, đường xã và đường chuyên dùng.

b) Việc quản lý, vận hành khai thác cầu trên đường giao thông nông thôn thực hiện theo Thông tư số 12/2014/TT-BGTVT ngày 29 tháng 4 năm 2014 của Bộ Giao thông Vận tải.

2. Quy định này áp dụng đối với các tổ chức, cơ quan, cá nhân trong nước và nước ngoài liên quan đến hoạt động quản lý, bảo trì và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; quy hoạch phát triển kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, phân cấp quản lý công trình đường bộ; xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng bằng xe cơ giới trên đường bộ; lưu hành xe bánh xích, xe quá tải, quá khổ giới hạn an toàn trên đường bộ thuộc hệ thống đường bộ địa phương trên địa bàn tỉnh.

3. Đối với những nội dung không được đề cập trong Quy định này, phải thực hiện theo các quy định tại Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ (sau đây gọi tắt là Nghị định số 11/2010/NĐ-CP); Nghị định số 100/2013/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP (sau đây gọi tắt là Nghị định số 100/2013/NĐ-CP); Thông tư số 52/2013/TT-BGTVT ngày 12 tháng 12 năm 2013 của Bộ Giao thông vận tải về quản lý, khai thác và bảo trì công trình đường bộ (sau đây gọi tắt là Thông tư số 52/2013/TT-BGTVT), Thông tư số 39/2011/TT-BGTVT ngày 18/5/2011 của Bộ Giao thông Vận tải hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP, Thông tư số 07/2010/TT-BGTVT ngày 11/02/2010 của Bộ Giao thông Vận tải về quy định tải trọng, quá khổ giới hạn, xe bánh xích trên đường bộ, vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng trên đường bộ (sau đây gọi tắt là Thông tư số 07/2010/TT-BGTVT); Thông tư số 03/2011/TT-BGTVT ngày 22 tháng 02 năm 2011 của Bộ

Giao thông Vận tải về sửa đổi, bổ sung Thông tư số 07/2010/TT-BGTVT ngày 11 tháng 02 năm 2010 của Bộ Giao thông Vận tải; các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan

Điều 2. Giải thích từ ngữ.

Trong Quy định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau.

1. Khái niệm về đường bộ, công trình đường bộ và kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

- Đường bộ gồm đường, cầu đường bộ, hầm đường bộ, bến phà đường bộ.

- Công trình đường bộ gồm đường bộ, nơi dừng xe, đỗ xe trên đường bộ, đèn tín hiệu, biển báo hiệu, vạch kẻ đường, cọc tiêu, rào chắn, đảo giao thông, dải phân cách, cột cây số, tường, kè, hệ thống thoát nước, trạm kiểm tra tải trọng xe, trạm thu phí và các công trình, thiết bị phụ trợ đường bộ khác.

- Kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ gồm công trình đường bộ, bến xe, bãi đỗ xe, trạm dừng nghỉ và các công trình phụ trợ khác trên đường bộ phục vụ giao thông và hành lang an toàn đường bộ.

2. Cơ quan quản lý đường bộ là Sở Giao thông Vận tải, Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (sau đây gọi chung là cấp huyện); Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là cấp xã).

3. Đơn vị (nhà thầu) quản lý, bảo trì đường bộ là tổ chức, cá nhân được cơ quan quản lý đường bộ, doanh nghiệp đầu tư và quản lý khai thác công trình đường bộ, chủ sở hữu công trình đường bộ chuyên dùng giao nhiệm vụ hoặc hợp đồng thực hiện một hoặc một số công việc bảo trì và khai thác công trình đường bộ. Nhà thầu bảo trì đường bộ bao gồm: nhà thầu quản lý, bảo dưỡng và khai thác công trình đường bộ; nhà thầu thi công sửa chữa và các nhà thầu khác tham gia thực hiện các công việc bảo trì công trình đường bộ.

4. Quy trình bảo trì công trình đường bộ là quy định về trình tự, nội dung và chỉ dẫn thực hiện các công việc bảo trì công trình đường bộ

Điều 3. Yêu cầu công tác quản lý, bảo trì công trình đường bộ.

Yêu cầu về quản lý, bảo trì công trình đường bộ thực hiện theo quy định tại Điều 3 Thông tư số 52/2013/TT-BGTVT.

Chương II

QUY HOẠCH, QUẢN LÝ QUY HOẠCH, PHÂN LOẠI ĐƯỜNG BỘ VÀ PHÂN CẤP QUẢN LÝ KẾT CẤU HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ

Điều 4. Lập quy hoạch phát triển hệ thống giao thông đường bộ.

1. Nguyên tắc quy hoạch thực hiện theo Điều 5 của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ.

2. Đối với quy hoạch phát triển hệ thống giao thông cấp tỉnh áp dụng theo khoản 2, Điều 7 của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP của Chính phủ.

3. Đối với quy hoạch phát triển giao thông vận tải cấp huyện: Khi xây dựng và phê duyệt quy hoạch phải đảm bảo mối gắn kết với các hệ thống quy hoạch phát triển giao thông quốc gia, cấp tỉnh và các quy hoạch khác có liên quan trên địa bàn; đồng thời quá trình xây dựng quy hoạch phải có ý kiến góp ý của các sở, ngành, địa phương liên quan và thỏa thuận của Sở Giao thông Vận tải.

4. Nội dung quy hoạch thực hiện theo quy định tại Điều 6 của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP.

5. Cấp kỹ thuật của đường bộ thực hiện theo quy định tại Điều 9 của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP.

Điều 5. Quản lý quy hoạch phát triển giao thông đường bộ.

1. Quỹ đất dành cho phát triển giao thông đường bộ

a) Quỹ đất dành cho phát triển kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ là quỹ đất dành để xây dựng các công trình giao thông đường bộ được xác định theo quy hoạch phát triển giao thông vận tải được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

b) Đối với đô thị xây dựng mới, tỷ lệ quỹ đất giao thông đô thị so với đất đô thị phải đảm bảo theo quy định tại khoản 2, Điều 8 của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP.

Quỹ đất dành cho giao thông đô thị là diện tích đất dành cho xây dựng kết cấu hạ tầng giao thông đô thị, không bao gồm diện tích sông ngòi, ao, hồ và các công trình giao thông xây dựng ngầm.

c) Xây dựng và quản lý quỹ đất dành cho giao thông đảm bảo yếu tố phát triển hạ tầng giao thông một cách bền vững. Các cơ quan quản lý phải thường xuyên theo dõi các yếu tố phát sinh, bất hợp lý hoặc chưa phù hợp của quy hoạch để tham mưu cấp có thẩm quyền điều chỉnh kịp thời;

2. Quản lý quy hoạch phát triển hệ thống giao thông đường bộ

a) Quy hoạch được phê duyệt phải được công bố kịp thời các chỉ giới quy hoạch và cắm mốc quy hoạch của các tuyến đường sau khi quy hoạch được phê duyệt, đồng thời tổ chức quản lý chặt chẽ việc sử dụng, khai thác quỹ đất trong quy hoạch phát triển đường bộ nhằm giảm thiểu kinh phí đầu tư.

b). Đầu tư xây dựng hệ thống giao thông đường bộ phải theo đúng quy hoạch và phân kỳ đầu tư được duyệt, ưu tiên xây dựng hệ thống đường trục chính và các vùng khó khăn.

c). Trên cơ sở quy hoạch phát triển hệ thống giao thông, các cơ quan quản lý đường bộ tổ chức phân loại và phân cấp để các cấp, các ngành quản lý nhằm nâng cao hiệu quả khai thác, quản lý bảo trì và phù hợp với từng giai đoạn của quy hoạch.

Điều 6. Phân loại đường bộ và phân cấp quản lý đường bộ.

1. Mạng lưới giao thông đường bộ địa phương được chia thành 5(năm) hệ thống, gồm: Đường tỉnh (tỉnh lộ), đường huyện, đường xã, đường đô thị và đường chuyên dùng.

a) Đường tỉnh là đường nối trung tâm hành chính của tỉnh với trung tâm hành chính của huyện hoặc trung tâm hành chính của tỉnh lân cận; đường có vị trí quan trọng đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

b) Đường huyện là đường nối trung tâm hành chính của huyện với trung tâm hành chính của xã, cụm xã hoặc trung tâm hành chính của huyện lân cận; đường có vị trí quan trọng đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của huyện.

c) Đường xã là đường nối trung tâm hành chính của xã với các thôn, làng, ấp, bản và đơn vị tương đương hoặc đường nối với các xã lân cận; đường có vị trí quan trọng đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của xã.

d) Đường đô thị là đường trong phạm vi địa giới hành chính nội thành, nội thị.

e) Đường chuyên dùng là đường chuyên phục vụ cho việc vận chuyển, đi lại của một hoặc một số cơ quan, tổ chức, cá nhân.

2. Thẩm quyền phân loại và điều chỉnh các hệ thống đường bộ quy định như sau:

a) Hệ thống đường tỉnh, đường đô thị do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định sau khi thỏa thuận với Bộ Giao thông vận tải (đối với đường tỉnh) và thỏa thuận với Bộ Giao thông vận tải và Bộ Xây dựng (đối với đường đô thị).

b) Hệ thống đường huyện, đường xã do Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định sau khi được Sở Giao thông vận tải thỏa thuận, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đồng ý.

c) Hệ thống đường chuyên dùng do cơ quan, tổ chức, cá nhân có đường chuyên dùng quyết định sau khi có ý kiến chấp thuận bằng văn bản của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải đối với đường chuyên dùng đầu nối vào quốc lộ; ý kiến chấp thuận bằng văn bản của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đối với đường chuyên dùng đầu nối vào đường tỉnh, đường đô thị, đường huyện; ý kiến chấp thuận bằng văn bản của Ủy ban nhân dân cấp huyện đối với đường chuyên dùng đầu nối vào đường xã.

3. Nguyên tắc đặt tên hoặc số hiệu đường bộ thực hiện theo Điều 3, Nghị định số 11/2010/NĐ-CP quy định: Điểm đầu, điểm cuối của đường tỉnh, đường huyện, được xác định theo hướng Bắc - Nam hoặc Đông - Tây hoặc từ trung tâm hành chính huyện đến trung tâm hành chính xã, thị trấn hoặc từ quốc lộ đến trung tâm hành chính huyện, xã, thị trấn.

4. Phân cấp quản lý

a) Hệ thống đường tỉnh do Sở Giao thông Vận tải quản lý; ngoài ra tùy thuộc vào điều kiện thực tế, Ủy ban nhân dân tỉnh sẽ giao Sở trực tiếp quản lý một số công trình giao thông đường bộ khác trên địa bàn không thuộc hệ thống tỉnh lộ.

b) Hệ thống đường huyện, đường đô thị do Ủy ban nhân dân huyện, thành phố và thị xã quản lý.

c) Hệ thống đường xã do Ủy ban nhân dân xã, phường và thị trấn quản lý.

d) Hệ thống đường trong các Khu kinh tế, Khu công nghiệp thuộc tỉnh do Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh quản lý.

e) Hệ thống đường chuyên dùng do chủ sở hữu đường chuyên dùng quản lý.

Điều 7. Số hiệu và mã số đường tỉnh, đường huyện, đường đô thị.

1. Đường tỉnh

a) Nguyên tắc, cách đặt số hiệu đường tỉnh thực hiện theo quy định tại các Điều 3, Điều 4 của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ.

b) Mã số đường tỉnh để đặt số hiệu của hệ thống đường tỉnh, thực hiện theo quy định tại Khoản 2, Điều 30 của Thông tư số 39/2011/TT-BGTVT ngày 18/5/2011 của Bộ Giao thông Vận tải.

2. Đường huyện.

a) Nguyên tắc, cách đặt số hiệu đường huyện thực hiện theo quy định tại các Điều 3, Điều 4 của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ.

b) Mã số đường huyện là số tự nhiên có từ 01 (một) đến 03 (ba) chữ số; mã số quy định đặt số hiệu theo đơn vị hành chính như sau:

TT	Tên đơn vị hành chính	Số hiệu	TT	Tên đơn vị hành chính	Số hiệu
1	Thành phố Hà Tĩnh	01- 10	7	Huyện Vũ Quang	76 - 85
2	Thị xã Hồng Lĩnh	11- 20	8	Huyện Hương Khê	86 - 100
3	Huyện Nghi Xuân	21- 30	9	Huyện Thạch Hà	101 - 110
4	Huyện Can Lộc	31- 45	10	Huyện Lộc Hà	111 - 120
5	Huyện Đức Thọ	46 - 60	11	Huyện Cẩm Xuyên	121 - 135
6	Huyện Hương Sơn	61 - 75	12	Huyện Kỳ Anh	136 - 150

Tên đường huyện đặt theo số hiệu quy định chung như sau: ĐH.x

+ “ĐH” là ký hiệu viết tắt của tên hệ thống đường huyện.

+ “x” là số thứ tự của các tuyến đường huyện thuộc huyện đó, là số tự nhiên có từ 01 (một) đến 03 (ba) chữ số như bảng trên.

Trường hợp sau khi đặt hết số hiệu mà vẫn còn tuyến tiếp theo chưa có số hiệu, thì xem xét tuyến đường đó có mối liên kết với các tuyến liền kề khác để lấy số hiệu và gắn với các chữ cái B, C. Ví dụ: ĐH. 40B, ĐH. 40C...

3. Đường đô thị thực hiện theo quy định tại Khoản 2, Khoản 3, Điều 4 của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ.

4. Đối với hệ thống đường xã (trục xã, trục thôn, ngõ xóm):

Tên đường xã đặt tên theo quy định chung như sau: Đường A;

Trong đó: A là tên đường được đặt theo địa danh hoặc theo tập quán;

5. Đối với hệ thống đường chuyên dùng (ĐCD):

Đường chuyên dùng đặt theo số hiệu quy định chung như sau: ĐCD.x.

Trong đó:

+ “ĐCD” là ký hiệu viết tắt của tên hệ thống đường chuyên dùng.

+ “x” là số thứ tự của các tuyến đường chuyên dùng trên địa bàn tỉnh đã đăng ký với Sở Giao thông vận tải (gồm 2 chữ số tự nhiên từ 01 đến 99).

Chương III

QUẢN LÝ, BẢO TRÌ CÔNG TRÌNH ĐƯỜNG BỘ

Điều 8. Nội dung công tác quản lý đường bộ.

1. Lưu trữ và quản lý hồ sơ hoàn công công trình đường bộ xây dựng mới, nâng cấp, cải tạo, sửa chữa định kỳ, sửa chữa đột xuất.

2. Lập hồ sơ quản lý công trình đường bộ

a) Đối với cầu đường bộ:

Gồm các tài liệu trích từ hồ sơ hoàn công của cầu, hồ sơ hệ móc cao độ, bình đồ, mặt cắt dọc, mặt cắt ngang cầu, mặt cắt địa chất, hồ sơ bồi thường giải phóng mặt bằng, hồ sơ móc lộ giới, hành lang an toàn cầu; hồ sơ kiểm định, hồ sơ cấp phép thi công; lập sổ lý lịch cầu, cập nhật kết quả các đợt kiểm tra, kiểm định, các dự án sửa chữa định kỳ, sửa chữa đột xuất; sổ tuần tra, kiểm tra cầu.

b) Đối với đường bộ:

Gồm các tài liệu trích từ hồ sơ hoàn công như bình đồ, mặt cắt dọc, mặt cắt ngang, mặt cắt địa chất, hệ thống thoát nước, hồ sơ bồi thường giải phóng mặt bằng, hồ sơ móc lộ giới, hồ sơ cấp phép xây dựng; lập bình đồ duỗi thẳng và cập nhật các biến động về tổ chức giao thông, sử dụng đất dành cho đường bộ; sổ tuần đường; cập nhật số liệu về đếm xe (lưu lượng, tải trọng xe); cập nhật kết quả các đợt kiểm tra, các dự án sửa chữa định kỳ, sửa chữa đột xuất.

c) Công trình kè, cống và các công trình nhân tạo tương tự, ngoài việc quản lý bảo dưỡng thường xuyên, phải lập kế hoạch kiểm tra, theo dõi riêng.

3. Lập hồ sơ quản lý hành lang an toàn đường bộ

a) Hồ sơ quản lý hành lang an toàn đường bộ bao gồm tình trạng sử dụng đất hành lang an toàn đường bộ, các công trình ảnh hưởng đến an toàn đường bộ, an toàn giao thông; vi phạm, thời điểm vi phạm và quá trình xử lý vi phạm.

b) Hồ sơ đấu nối đường nhánh phải lập riêng để theo dõi và cập nhật bổ sung các vi phạm liên quan đến đấu nối đường nhánh để làm việc với các cấp có thẩm quyền và chính quyền địa phương nhằm đảm bảo an toàn giao thông đường bộ.

c) Lập hồ sơ quản lý hệ thống hạ tầng kỹ thuật bao gồm hồ sơ hoàn công các công trình hạ tầng kỹ thuật nằm trong hành lang an toàn đường bộ, giấy phép thi công và các văn bản liên quan khác.

4. Tổ chức thực hiện quản lý, bảo vệ công trình đường bộ; phối hợp với công an, Ủy ban nhân dân các cấp quản lý, bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

5. Theo dõi tình hình hư hại công trình đường bộ; tổ chức tuần tra, kiểm tra thường xuyên, phát hiện kịp thời hư hỏng và các hành vi vi phạm kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, tiến hành xử lý theo thẩm quyền hoặc đề nghị Ủy ban nhân dân các cấp xử lý theo quy định.

6. Kiểm tra tình trạng kỹ thuật định kỳ tháng, quý, năm; kiểm tra đột xuất sau mỗi đợt lụt, bão hoặc các tác động bất thường khác.

7. Thực hiện đếm xe, phân tích số liệu và đánh giá sự tăng trưởng của lưu lượng, kiểu loại phương tiện cơ giới đường bộ.

8. Thực hiện quản lý tải trọng, khổ giới hạn xe; tổ chức cấp giấy lưu hành cho xe bánh xích, xe quá khổ giới hạn, quá tải trọng công trình đường bộ; kiểm tra tải trọng xe ở các trạm kiểm tra tải trọng xe cố định hoặc tạm thời và xử lý theo quy định; phân tích đánh giá tác động do hoạt động của xe quá khổ, quá tải đến sự bền vững công trình đường bộ.

9. Lập biểu mẫu theo dõi số vụ tai nạn, xác định nguyên nhân ban đầu từng vụ tai nạn, thiệt hại do tai nạn. Phối hợp với cơ quan công an, chính quyền địa phương để giải quyết tai nạn giao thông theo thẩm quyền.

10. Phân làn, phân luồng, tổ chức giao thông; thường xuyên rà soát, điều chỉnh hệ thống báo hiệu đường bộ cho phù hợp; lập hồ sơ điểm đen, xử lý và theo dõi kết quả các điểm đen đã được xử lý.

11. Trục đảm bảo giao thông; theo dõi tình hình thời tiết, ngập lụt, các sự cố công trình, xử lý và báo cáo theo quy định.

12. Báo cáo định kỳ, đột xuất theo quy định.

Điều 9. Nội dung công tác bảo trì công trình đường bộ.

Nội dung công tác bảo trì đường bộ thực hiện theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 52/2013/TT-BGTVT.

Điều 10. Áp dụng tiêu chuẩn kỹ thuật, định mức công tác quản lý, bảo trì đường bộ.

1. Tiêu chuẩn kỹ thuật và định mức sửa chữa định kỳ, sửa chữa đột xuất đường bộ: Áp dụng theo quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật và định mức như quy định đối với công trình xây dựng cơ bản.

2. Tiêu chuẩn kỹ thuật và định mức bảo dưỡng thường xuyên đường bộ.

a) Áp dụng theo tiêu chuẩn kỹ thuật về bảo dưỡng thường xuyên đường bộ hiện hành do Tổng cục Đường bộ Việt Nam ban hành (TCCS 07: 2013/TCĐBVN).

b) Áp dụng theo Định mức bảo dưỡng thường xuyên đường bộ;

c) Các định mức duy tu, bảo dưỡng thảm cỏ, cây xanh, hệ thống điện chiếu sáng, cọc cừ và định mức tương tự khác không có ở các tập định mức nêu

tại điểm b khoản 2 Điều này, áp dụng các định mức tương ứng của ngành khác hoặc của địa phương đã được cơ quan có thẩm quyền ban hành.

3. Các công trình, thiết bị lắp đặt vào công trình có tiêu chuẩn cơ sở hoặc quy trình bảo trì riêng, ngoài việc thực hiện các quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều này còn được áp dụng tiêu chuẩn cơ sở, quy trình bảo trì riêng để bảo dưỡng, sửa chữa và bảo trì công trình, thiết bị lắp đặt vào công trình.

Điều 11. Quản lý cơ sở dữ liệu đường bộ.

1. Đơn vị quản lý đường bộ có trách nhiệm điều tra, khảo sát để xây dựng cơ sở dữ liệu về đường bộ trên các tuyến đường đang quản lý và báo cáo đúng định kỳ theo quy định gửi cho cơ quan quản lý đường bộ để phục vụ cho công tác bảo trì đường bộ và đầu tư xây dựng.

2. Định kỳ hàng quý, 6 tháng và cả năm, cơ quan quản lý đường bộ có trách nhiệm tổng hợp, báo cáo về cơ sở hạ tầng do mình quản lý lên cơ quan cấp trên.

Điều 12. Trách nhiệm lập quy trình, nội dung quy trình bảo trì, khai thác công trình đường bộ.

Trách nhiệm lập quy trình, nội dung quy trình, khía thác công trình đường bộ thực hiện theo quy định tại các Điều 6, 7 và 10 của Thông tư số 52/2013/TT-BGTVT ngày 12/12/2013.

Điều 13. Thẩm định, phê duyệt quy trình bảo trì công trình đường bộ.

1. Đối với các dự án đầu tư xây dựng mới công trình đường bộ.

a) Chủ đầu tư có trách nhiệm tiếp nhận quy trình bảo trì do nhà thầu tư vấn thiết kế xây dựng công trình và nhà thầu cung cấp thiết bị lắp đặt vào công trình; tổ chức thẩm định và phê duyệt trước khi nghiệm thu bàn giao công trình đưa vào sử dụng.

b) Đối với công trình đầu tư xây dựng theo hình thức hợp đồng BOT, BTO và BT thì doanh nghiệp dự án (nhà đầu tư) có trách nhiệm tổ chức thẩm định, phê duyệt quy trình bảo trì sau khi thỏa thuận với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ký kết hợp đồng dự án.

c) Đối với đường chuyên dùng, chủ sở hữu công trình đường bộ chuyên dùng chịu trách nhiệm tổ chức lập, thẩm định và phê duyệt quy trình bảo trì theo quy định tại Nghị định số 114/2010/NĐ-CP và các quy định tại Quy định này.

2. Đối với các công trình đã đưa vào khai thác nhưng chưa có quy trình bảo trì, trách nhiệm thẩm định, phê duyệt như sau:

a) Sở Giao thông Vận tải thẩm định phê duyệt đối với các tuyến tỉnh lộ, các công trình cầu treo, cầu lớn và công trình có kết cấu phức tạp trên địa bàn tỉnh.

b) Ủy ban nhân dân huyện, thị xã và thành phố thẩm định, phê duyệt đối với đường đô thị và đường giao thông nông thôn.

c) Ban Quản lý khu kinh tế tỉnh thẩm định, phê duyệt đối với công trình đường bộ do Ban trực tiếp quản lý.

d) Đối với các công trình khác, chủ đầu tư, chủ sở hữu công trình thẩm định và phê duyệt sau khi có ý kiến thỏa thuận với Sở Giao thông Vận tải.

3. Tổ chức có trách nhiệm phê duyệt quy trình bảo trì có thể thuê tư vấn thẩm tra một phần hoặc toàn bộ quy trình bảo trì công trình trước khi phê duyệt.

Điều 14. Điều chỉnh quy trình bảo trì công trình đường bộ.

Quá trình thực hiện, nếu thấy những yếu tố bất hợp lý, ảnh hưởng đến an toàn, khả năng khai thác, chất lượng và tuổi thọ công trình đường bộ, cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền quy định tại Khoản 2, Điều 13 của quy định này xem xét phê duyệt điều chỉnh quy trình bảo trì công trình đường bộ.

Điều 15. Quy trình khai thác công trình đường bộ.

1. Quy trình khai thác công trình đường bộ là các chỉ dẫn của Tư vấn thiết kế, nhà cung cấp thiết bị, công nghệ quy định cách thức, trình tự, nội dung khai thác và sử dụng công trình, thiết bị lắp đặt vào công trình nhằm bảo đảm cho việc khai thác công trình đúng công suất, công năng, bảo đảm an toàn, duy trì tuổi thọ công trình theo thiết kế.

2. Nội dung quy trình phải bao quát đầy đủ các quy định về tổ chức giao thông, tải trọng khai thác, tốc độ, thành phần xe, bố trí làn xe, trình tự lên xuống bến phà, cầu phao, trình tự vận hành thiết bị lắp đặt vào công trình, các quy định về cứu hộ, an toàn cháy nổ và các nội dung khác có liên quan.

3. Các công trình bắt buộc phải có quy trình khai thác.

a) Cầu quay, cầu cát, cầu treo, cầu áp dụng công nghệ mới thi công phức tạp.

b) Bến phà, cầu phao đường bộ.

c) Hàm đường bộ.

d) Thiết bị công nghệ lắp đặt tại trạm thu phí.

e) Hệ thống giám sát giao thông.

g) Các trường hợp theo quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định cụ thể cho từng công trình trong quyết định phê duyệt dự án đầu tư.

4. Trách nhiệm lập, thẩm định, phê duyệt quy trình khai thác, điều chỉnh quy trình khai thác thực hiện như đối với quy trình bảo trì quy định tại các Điều 12, 13 và Điều 14 của Quy định này.

5. Căn cứ lập quy trình khai thác gồm:

a) Hồ sơ thiết kế, hồ sơ hoàn công công trình.

b) Công suất, công năng, đặc điểm, tính chất thiết bị lắp đặt vào công trình.

c) Sổ tay, tài liệu hướng dẫn, đào tạo vận hành thiết bị và công trình.

d) Các quy định về đảm bảo giao thông, an toàn giao thông, an toàn lao động và bảo vệ môi trường.

e) Các căn cứ để lập quy trình bảo trì công trình đường bộ theo hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 7 Thông tư số 52/2013/TT-BGTVT.

Điều 16. Tài liệu phục vụ công tác quản lý, khai thác và bảo trì công trình đường bộ.

1. Các tài liệu phục vụ công tác quản lý, bảo trì và khai thác công trình đường bộ, bao gồm các nội dung:

a) Văn bản pháp lý liên quan như chủ trương xây dựng, quyết định phê duyệt dự án, phê duyệt thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công; văn bản thẩm tra, thẩm định thiết kế; quyết định phê duyệt nhà thầu xây lắp, nhà thầu tư vấn thiết kế, giám sát; hồ sơ hoàn công công trình.

b) Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công, bản vẽ hoàn công (kể cả thiết kế điều chỉnh, nếu có).

c) Tài liệu về hướng dẫn kỹ thuật.

d) Quy trình bảo trì, quy trình khai thác cầu.

e) Tài liệu về giải phóng mặt bằng, hồ sơ mốc lộ giới, mốc GPMB.

f) Nhật ký tuần đường, hồ sơ lý lịch cầu, hồ sơ đăng ký đường bộ, bình đồ duỗi thẳng, các hình ảnh chụp về tình trạng chất lượng cầu, số đếm xe trên đường bộ.

g) Các tài liệu liên quan đến kết quả kiểm tra, kiểm định, sửa chữa và các hoạt động khai thác, bảo trì công trình đường bộ.

2. Chủ đầu tư xây dựng công trình đường bộ có trách nhiệm bàn giao cho cơ quan quản lý đường bộ các tài liệu quy định từ các điểm a,b,c,d,e cho nhà thầu quản lý trước khi đưa công trình vào sử dụng. Trong quá trình khai thác, nhà thầu quản lý có trách nhiệm lập hồ sơ quản lý từ điểm f và g của khoản 1 Điều này.

Điều 17. Xử lý đối với công trình đường bộ hư hỏng không đảm bảo an toàn cho khai thác, công trình hết tuổi thọ thiết kế.

1) Cơ quan quản lý đường bộ khi phát hiện công trình đường bộ có biểu hiện xuống cấp về chất lượng, không đảm bảo an toàn cho việc khai thác, sử dụng có trách nhiệm tổ chức kiểm tra, kiểm định đánh giá chất lượng công trình kịp thời; chỉ đạo nhà thầu bảo trì thực hiện việc bảo dưỡng công trình; tổ chức sửa chữa khắc phục các hư hỏng để đảm bảo giao thông, an toàn công trình; báo cáo cơ quan cấp trên về tình trạng kỹ thuật công trình đường bộ.

2) Nhà thầu quản lý, bảo trì có trách nhiệm thực hiện các nội dung sau:

a) Thường xuyên theo dõi kiểm tra công trình để kịp thời phát hiện công trình, bộ phận công trình, thiết bị lắp đặt vào công trình hư hỏng xuống cấp, không đảm bảo an toàn cho khai thác sử dụng và báo cáo cho cơ quan quản lý đường bộ.

b) Khi có hư hỏng, xuống cấp về chất lượng ảnh hưởng đến an toàn khai thác phải tổ chức trực đảm bảo giao thông, điều tiết giao thông, thực hiện các giải pháp khắc phục để đảm bảo giao thông; trường hợp cần thiết đề nghị cơ quan quản lý đường bộ cấm biển hạn chế tải trọng, tốc độ phương tiện, thực hiện

các biện pháp thích hợp để hạn chế hoặc tạm ngừng khai thác công trình nếu không đảm bảo an toàn.

c) Khi thực hiện các biện pháp hạn chế hoặc tạm dừng khai thác công trình, nhà thầu bảo trì có trách nhiệm tham gia thực hiện các biện pháp phân luồng, đảm bảo an toàn cho người và phương tiện tham gia giao thông theo sự hướng dẫn của cơ quan quản lý đường bộ và cảnh sát giao thông.

3) Trường hợp công trình đường bộ xảy ra sự cố trong quá trình khai thác, sử dụng, việc giải quyết sự cố theo quy định của pháp luật về quản lý chất lượng công trình xây dựng (Nghị định số 15/2013/NĐ-CP ngày 06/02/2013 quy định về quản lý chất lượng công trình xây dựng).

4) Trường hợp công trình đường bộ đã hết tuổi thọ thiết kế nhưng có nhu cầu sử dụng tiếp, Cơ quan quản lý đường bộ phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức kiểm tra, kiểm định đánh giá chất lượng hiện trạng của công trình; tiến hành sửa chữa nếu có hư hỏng để đảm bảo công năng và an toàn sử dụng trước khi xem xét, quyết định tiếp tục sử dụng công trình; báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh kết quả kiểm tra, kiểm định, đánh giá chất lượng công trình, kết quả sửa chữa (nếu có) để được xem xét chấp thuận việc kéo dài thời hạn sử dụng công trình.

Điều 18. Lập, phê duyệt và điều chỉnh kế hoạch bảo trì công trình đường bộ.

1. Lập kế hoạch bảo trì công trình đường bộ sử dụng vốn nhà nước.

a) Sở Giao thông Vận tải chịu trách nhiệm lập kế hoạch bảo trì hệ thống tỉnh lộ và các công trình khác được giao quản lý theo phân cấp của Ủy ban nhân dân tỉnh.

b) Ủy ban nhân dân cấp huyện lập kế hoạch bảo trì đối với hệ thống đường đô thị và đường giao thông nông thôn.

c) Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh lập kế hoạch bảo trì đối với hệ thống đường bộ do Ban quản lý theo phân cấp của Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Phê duyệt kế hoạch bảo trì công trình đường bộ sử dụng vốn nhà nước.

Quỹ bảo trì đường bộ tỉnh có trách nhiệm xem thẩm định kế hoạch bảo trì công trình đường bộ địa phương, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt trên cơ sở đề xuất của Sở Giao thông vận tải, Ủy ban nhân dân cấp huyện và Ban Quản lý khu kinh tế tỉnh.

3. Điều chỉnh kế hoạch bảo trì công trình đường bộ sử dụng vốn nhà nước.

Việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch bảo trì công trình đường bộ địa phương do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định trên cơ sở đề nghị của cơ quan quản lý đường bộ và Quỹ bảo trì đường bộ tỉnh.

4. Đối với công trình BOT và công trình dự án khác, kế hoạch bảo trì và chi phí bảo trì công trình đường bộ hàng năm được quy định trong Hợp đồng dự án, làm căn cứ cho việc bảo trì đường bộ trong quá trình khai thác. Nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án lập kế hoạch bảo trì hàng năm, gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền ký hợp đồng dự án thỏa thuận trước khi phê duyệt, triển khai.

Điều 19. Thực hiện kế hoạch bảo trì công trình đường bộ.

1. Căn cứ kế hoạch bảo trì hàng năm được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, Sở Giao thông vận tải, Ủy ban nhân dân cấp huyện và Ban Quản lý khu kinh tế tỉnh tổ chức triển khai thực hiện.

2. Đối với công trình BOT và công trình khác dự án khác, doanh nghiệp dự án căn cứ kế hoạch và chi phí bảo trì quy định tại khoản 4 Điều 18 của Quy định này để tổ chức thực hiện, đảm bảo giao thông an toàn và thông suốt.

3. Đối với công trình đường bộ chuyên dùng, chủ sở hữu công trình tổ chức thực hiện kế hoạch bảo trì công trình do mình đầu tư, quản lý và chịu sự kiểm tra, giám sát của các cơ quan quản lý nhà nước theo quy định.

4. Sửa chữa đột xuất công trình đường bộ.

a) Công trình, bộ phận công trình đường bộ bị hư hỏng do chịu tác động đột xuất như mưa bão, lũ lụt, động đất, va đập, cháy nổ hoặc những tác động đột xuất khác, Sở Giao thông vận tải, Ủy ban nhân dân cấp huyện và Ban Quản lý khu kinh tế tỉnh chủ động triển khai công tác đảm bảo giao thông bước 1, nhằm phục vụ nhân dân đi lại an toàn, thuận lợi.

b) Sở Giao thông Vận tải tham mưu đề xuất kịp thời các giải pháp kỹ thuật xử lý sửa chữa, khắc phục các công trình đường bộ trên địa bàn tỉnh bị hư hỏng đột xuất.

Điều 20. Kiểm tra, sửa chữa, đánh giá sự an toàn và quản lý chất lượng công tác bảo trì công trình đường bộ.

Việc kiểm tra, sửa chữa, đánh giá sự an toàn của công trình đường bộ và quản lý chất lượng công tác bảo trì công trình đường bộ thực hiện theo quy định tại các Điều 20 và Điều 21 Thông tư số 52/2013/TT-BGTVT.

Chương IV BẢO VỆ, SỬ DỤNG, KHAI THÁC KẾT CẤU HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ

Điều 21. Phạm vi đất dành cho đường bộ.

1. Phạm vi đất dành cho đường bộ gồm đất của đường bộ và đất hành lang an toàn đường bộ.

2. Đất của đường bộ bao gồm phần đất trên đó công trình đường bộ được xây dựng và phần đất dọc hai bên đường bộ để quản lý, bảo trì, bảo vệ công trình đường bộ (dưới đây gọi tắt phần đất dọc hai bên đường bộ để quản lý, bảo trì, bảo vệ công trình đường bộ là phần đất bảo vệ, bảo trì đường bộ).

Phần đất bảo vệ, bảo trì đường bộ có bề rộng theo cấp đường, được xác định từ mép ngoài cùng của công trình đường, cầu đường bộ, hầm đường bộ, bến phà đường bộ ra mỗi bên như sau:

a) 03 mét đối với đường cao tốc, đường cấp I, cấp II.

b) 02 mét đối với đường cấp III.

c) 01 mét đối với đường từ cấp IV trở xuống.

Phần đất bảo vệ, bảo trì công trình dùng để giữ vật tư sử dụng cho bảo trì, để di chuyển hoặc đặt các thiết bị thực hiện việc bảo trì, chống tràn chất bẩn từ mặt đường ra hai bên đường, chống xâm hại công trình đường bộ.

3. Đối với đường bộ xây dựng mới hoặc nâng cấp, cải tạo, chủ đầu tư phải xác định giới hạn đất dành cho đường bộ và thực hiện như sau:

Đối với đất của đường bộ, lập thủ tục đề nghị cơ quan có thẩm quyền thu hồi đất, thực hiện bồi thường theo quy định của pháp luật về đất đai.

Đối với đất hành lang an toàn đường bộ: Chủ đầu tư tiến hành cắm mốc giới hạn để bàn giao cho địa phương và cơ quan quản lý đường bộ quản lý theo quy định như đối với hành lang đường bộ đang khai thác. Trường hợp công trình và các tài sản khác nằm trong hành lang an toàn đường bộ ảnh hưởng trực tiếp đến an toàn giao thông, an toàn công trình đường bộ thì chủ đầu tư tiến hành xác định mức độ ảnh hưởng, phối hợp cùng cơ quan quản lý đất đai của địa phương lập thủ tục đề nghị cơ quan có thẩm quyền bồi thường, hỗ trợ thiệt hại do hạn chế khả năng sử dụng đất, thiệt hại tài sản gắn liền với đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

4. Đối với đường bộ đang khai thác, cơ quan quản lý đường bộ chủ trì, phối hợp cùng cơ quan quản lý đất đai của địa phương xác định giới hạn đất dành cho đường bộ, đất hành lang an toàn đường bộ và lập kế hoạch thực hiện các công việc dưới đây:

a) Rà soát, xác định giới hạn phần đất của đường bộ; lập thủ tục đề nghị cơ quan có thẩm quyền thu hồi đất, thực hiện bồi thường, hỗ trợ theo quy định của pháp luật về đất đai;

b) Rà soát, xác định giới hạn phần đất hành lang an toàn đường bộ; tiến hành cắm mốc giới hạn để bàn giao cho địa phương và cơ quan quản lý đường bộ quản lý theo quy hoạch; lập thủ tục đề nghị cơ quan có thẩm quyền bồi thường, hỗ trợ thiệt hại do hạn chế khả năng sử dụng đất, thiệt hại tài sản gắn liền với đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

Điều 22. Giới hạn hành lang an toàn công trình đường bộ.

Giới hạn hành lang an toàn đối với công trình đường bộ áp dụng theo quy định tại khoản 2, Điều 1 Nghị định số 100/2013/NĐ-CP và tại các Điều 16, Điều 17, Điều 18, Điều 19, Điều 20, Điều 21, Điều 22, Điều 23 và Điều 24 của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP.

Điều 23. Xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

1. Công trình thiết yếu là các công trình được xác định theo Khoản 1 Điều 12 Thông tư số 39/2011/TT-BGTVT, cụ thể:

a) Công trình phục vụ quốc phòng, an ninh.

- b) Công trình phục vụ quản lý, khai thác đường bộ.
- c) Công trình viễn thông, điện lực, cấp nước, thoát nước, xăng dầu, khí.
- d) Công trình có yêu cầu đặc biệt không thể bố trí ngoài phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; công trình phải bố trí trên cùng một mặt bằng với công trình đường bộ để đảm bảo tính đồng bộ và tiết kiệm.

2. Chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

Trước khi trình cấp có thẩm quyền xây dựng dự án (kể cả công trình cải tạo, nâng cấp và công trình xây dựng mới), chủ đầu tư dự án công trình phải gửi hồ sơ đề nghị được chấp thuận việc xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đến cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền để được xem xét giải quyết, quy định cụ thể như sau:

a) Sở Giao thông vận tải xem xét chấp thuận đối với các công trình trên hệ thống đường tỉnh lộ.

b) Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã và thành phố xem xét chấp thuận đối với các công trình trên hệ thống đường bộ do địa phương quản lý.

c) Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh xem xét chấp thuận đối với các công trình trên hệ thống đường bộ do Ban trực tiếp quản lý.

d) Đối với các công trình xây dựng theo hình thức Xây dựng - Kinh doanh - Chuyển giao (BOT), Xây dựng - Chuyển giao - Kinh doanh (BTO), Xây dựng - Chuyển giao (BT), giao Sở Giao thông vận tải xem xét chấp thuận trên cơ sở xem xét ý kiến của các đơn vị liên quan.

3. Trình tự thủ tục và hồ sơ đề nghị chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

a) Hồ sơ đề nghị chấp thuận gồm:

Đơn đề nghị (bản chính) theo mẫu tại Phụ lục 1 kèm theo Quy định này.

Hồ sơ thiết kế, trong đó có bình đồ, trắc dọc, trắc ngang vị trí đoạn tuyến có xây dựng công trình (bản chính).

Cam kết di chuyển hoặc cải tạo công trình đúng tiến độ theo yêu cầu của cơ quan quản lý đường bộ; không được yêu cầu bồi thường và phải chịu trách nhiệm chi trả toàn bộ chi phí có liên quan.

Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

b) Thời hạn giải quyết trong 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng theo quy định.

c) Văn bản chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu có giá trị 18 tháng đối với các tuyến quốc lộ và 12 tháng đối với các tuyến đường khác kể từ ngày ban hành; nếu quá thời hạn trên, phải làm thủ tục gia hạn, Thủ tục gia hạn quy định như sau:

Đơn đề nghị gia hạn (bản chính) theo mẫu tại Phụ lục 02 kèm theo Quy định này.

Thời hạn giải quyết trong 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng theo quy định.

Chỉ gia hạn một (01) lần, thời gian không quá 12 tháng.

d) Trình tự cách thức thực hiện theo quy định như sau:

Cách thức thực hiện: Tổ chức, đơn vị nộp hồ sơ và nhận kết quả trực tiếp tại văn phòng cơ quan có thẩm quyền giải quyết thủ tục hành chính hoặc thông qua hệ thống bưu chính.

Trình tự thực hiện.

+ Tổ chức, đơn vị nộp hồ sơ cho cơ quan có thẩm quyền quy định tại Khoản 1 Điều này của Quy định này.

+ Cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận hồ sơ. Đối với trường hợp nộp trực tiếp, sau khi kiểm tra thành phần hồ sơ nếu không đúng quy định, hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ; nếu đúng quy định, viết giấy hẹn lấy kết quả.

+ Cơ quan có thẩm quyền giải quyết thủ tục tiến hành thẩm định hồ sơ; nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định, có văn bản hướng dẫn hoàn thiện (đối với trường hợp nộp thông qua hệ thống bưu chính); nếu đủ điều kiện, có văn bản chấp thuận. Trường hợp không chấp thuận, phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

Điều 24. Cấp giấy phép thi công công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

1. Thẩm quyền cấp giấy phép thi công

Trước khi khởi công công trình, chủ đầu tư dự án công trình phải gửi hồ sơ đề nghị cấp giấy phép thi công công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đến cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền để được xem xét giải quyết, quy định cụ thể như sau:

a) Sở Giao thông Vận tải cấp giấy phép thi công với các công trình nằm trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên hệ thống đường tỉnh.

b) Ủy ban nhân dân cấp huyện cấp giấy phép thi công với các công trình nằm trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ do địa phương quản lý theo phân cấp của Ủy ban nhân dân tỉnh.

c) Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh cấp giấy phép thi công đối với các công trình trên hệ thống đường bộ do Ban trực tiếp quản lý.

d) Đối với các công trình xây dựng trên các dự án xây dựng theo hình thức Xây dựng - kinh doanh - chuyển giao (BOT), Xây dựng - chuyển giao - kinh doanh (BTO), Xây dựng - chuyển giao (BT) do nhà đầu tư cấp giấy phép thi công.

2. Trình tự thủ tục và hồ sơ đề nghị cấp giấy phép thi công công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ

a) Các tổ chức cá nhân có nhu cầu thi công xây dựng công trình trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đều phải lập thủ tục xin cấp giấy phép thi công.

b) Sau khi có văn bản chấp thuận xây dựng công trình của cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền, chủ đầu tư công trình hoàn chỉnh hồ sơ thiết kế theo ý kiến chấp thuận, tổ chức thẩm định và phê duyệt theo đúng quy định về quản lý đầu tư xây dựng công trình.

c) Gửi hồ sơ đề nghị cấp giấy phép thi công đến cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền quy định tại Khoản 1 Điều này để được cấp phép.

d) Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép gồm:

Đơn đề nghị (bản chính) theo mẫu tại Phụ lục 03 kèm theo Quy định này.

Văn bản chấp thuận xây dựng công trình của cơ quan quản lý đường bộ (bản sao có xác nhận của chủ đầu tư).

Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công, trong đó có biện pháp tổ chức thi công, an toàn giao thông đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt (bản chính).

Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

đ) Thời hạn giải quyết trong 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng theo quy định.

e) Giấy phép thi công công trình thiết yếu có giá trị trong thời gian thực hiện hợp đồng; nếu quá thời hạn trên, phải làm thủ tục gia hạn, thủ tục gia hạn quy định như sau:

Đơn đề nghị gia hạn (bản chính) .

Thời hạn giải quyết trong 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng theo quy định.

Chỉ gia hạn một (01) lần, thời gian không quá 1/3 thời gian được cấp phép.

g) Trình tự, cách thức thực hiện theo quy định như sau:

Cách thức thực hiện: Tổ chức, đơn vị nộp hồ sơ và nhận kết quả trực tiếp tại văn phòng cơ quan có thẩm quyền giải quyết thủ tục hành chính hoặc thông qua hệ thống bưu chính.

Trình tự thực hiện.

+ Tổ chức, đơn vị nộp hồ sơ cho cơ quan có thẩm quyền quy định tại khoản 1, Điều này.

+ Cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận hồ sơ. Đối với trường hợp nộp trực tiếp, sau khi kiểm tra thành phần hồ sơ nếu không đúng quy định, hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ; nếu đúng quy định, viết giấy hẹn lấy kết quả.

+ Cơ quan có thẩm quyền giải quyết thủ tục tiến hành thẩm định hồ sơ; nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định, có văn bản hướng dẫn hoàn thiện (đối

với trường hợp nộp thông qua hệ thống bưu chính); nếu đủ điều kiện cấp giấy phép thi công theo mẫu tại Phụ lục số 05 kèm theo Quy định này. Trường hợp không chấp thuận, phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

5. Việc sử dụng phạm vi đất dành cho đường bộ thực hiện theo quy định tại các Điều 25, Điều 26, Điều 27 và Điều 28 Nghị định số 11/2010/NĐ-CP.

Điều 25. Đầu nối đường nhánh vào tỉnh lộ.

1. Đường nhánh đầu nối vào tỉnh lộ bao gồm:

- a) Đường quốc lộ mới quy hoạch.
- b) Đường huyện, đường xã, đường đô thị;
- c) Đường dẫn ra vào các cửa hàng xăng dầu, bến xe, bãi đỗ xe, trạm dừng nghỉ trên tỉnh lộ.
- d) Đường chuyên dùng: Đường lâm nghiệp, đường vào khu khai thác mỏ, đường phục vụ thi công, đường vào khu công nghiệp, đường nối trực tiếp từ các công trình đơn lẻ của các cơ quan, đơn vị.
- e) Đường gom, đường nối đường gom.

2. Đường nhánh được đầu nối vào các tuyến tỉnh lộ phải thông qua điểm đầu nối thuộc Quy hoạch các điểm đầu nối đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

Đầu nối đường nhánh vào tỉnh lộ trong phạm vi đô thị thực hiện theo quy hoạch đô thị đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

Cao độ đường ra, vào và mặt bằng xây dựng các công trình phải thấp hơn mặt đường tỉnh lộ và đảm bảo thoát nước tốt trong khu vực.

3. Khoảng cách tối thiểu giữa hai điểm đầu nối vào đường tỉnh:

3.1. Khoảng cách tối thiểu giữa hai điểm đầu nối cùng phía vào tỉnh lộ của đường huyện, đường xã, đường đô thị, đường chuyên dùng và đường gom thực hiện như sau:

a) Trong khu vực nội thành, nội thị các đô thị (theo quy định của Chính phủ về phân loại đô thị và cấp quản lý đô thị): Khoảng cách giữa các điểm đầu nối xác định theo quy hoạch đã được cơ quan có thẩm quyền về quy hoạch đô thị phê duyệt.

b) Ngoài khu vực nội thành, nội thị các đô thị: Đường cấp I, cấp II không nhỏ hơn 2.000m/điểm; đường cấp III trở xuống không nhỏ hơn 1.000m/điểm.

c) Đối với các đoạn tuyến tỉnh lộ đi qua khu vực có địa hình mà hành lang an toàn đường bộ bị chia cắt (như núi cao, vực sâu, sông, suối và các chướng ngại vật khác không thể di dời được), không nhỏ hơn 500m/điểm.

d) Đối với các trường hợp khác, trường hợp đặc biệt phải có ý kiến thỏa thuận của Sở Giao thông Vận tải.

3.2. Vị trí đầu nối của đường dẫn ra, vào cửa hàng xăng dầu vào tỉnh lộ vừa phải bảo đảm yêu cầu kỹ thuật và nằm trong quy hoạch được phê duyệt.

4. Việc thiết kế nút giao của đường nhánh đầu nối vào đường tỉnh phải thực hiện theo quy định về thiết kế nút giao tại Tiêu chuẩn kỹ thuật về thiết kế đường ô tô.

5. Đầu nối đường nhánh vào tỉnh lộ đang khai thác: Sở Giao thông Vận tải phối hợp với UBND cấp huyện căn cứ nhu cầu phát triển kinh tế xã hội và quy hoạch phát triển giao thông vận tải của địa phương để lập Quy hoạch các điểm đầu nối trình UBND tỉnh phê duyệt để triển khai thực hiện.

6. Chủ đầu tư công trình được giao sử dụng điểm đầu nối thuộc Quy hoạch các điểm đầu nối đã được phê duyệt phải căn cứ tiêu chuẩn, yêu cầu thiết kế đường ô tô hiện hành để lập và gửi hồ sơ đến Sở Giao thông Vận tải xem xét chấp thuận thiết kế và phương án tổ chức giao thông của điểm đầu nối và đề cấp phép thi công theo quy định tại các Điều 26, 27 của Quy định này.

7. Trường hợp cần thiết, có thể xem xét cho phép đầu nối tạm có thời hạn để vận chuyển vật tư, thiết bị vào thi công các dự án. Chủ công trình, dự án phải căn cứ tiêu chuẩn, yêu cầu thiết kế đường ô tô hiện hành để lập và gửi hồ sơ đến Sở Giao thông Vận tải xem xét chấp thuận thiết kế và phương án tổ chức giao thông của điểm đầu nối.

Điều 26. Chấp thuận thiết kế và phương án tổ chức thi công nút giao đầu nối vào tỉnh lộ.

Trước khi trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, Chủ đầu tư dự án công trình phải gửi hồ sơ đến Sở Giao thông Vận tải để được xem xét chấp thuận thiết kế, phương án tổ chức giao thông của nút giao đầu nối vào tỉnh lộ, quy định hồ sơ chấp thuận cụ thể như sau:

1. Hồ sơ đề nghị chấp thuận gồm:

a) Đơn đề nghị (bản chính) theo mẫu tại Phụ lục số 03 kèm theo Quy định này.

b) Quy hoạch các điểm đầu nối vào tỉnh lộ đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt (bản sao).

c) Hồ sơ thiết kế kỹ thuật hoặc thiết kế bản vẽ thi công và phương án tổ chức giao thông do đơn vị tư vấn được phép hành nghề lập (bản chính).

d) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

2. Thời hạn giải quyết trong 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng theo quy định.

3. Văn bản chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu có giá trị 12 tháng kể từ ngày ban hành; nếu quá thời hạn trên, phải làm thủ tục gia hạn, Thủ tục gia hạn quy định như sau:

- a) Đơn đề nghị gia hạn.
 - b) Thời hạn giải quyết trong 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng theo quy định.
 - c) Chỉ gia hạn một (01) lần, thời gian không quá 12 tháng.
4. Trình tự cách thức thực hiện như quy định tại điểm g, khoản 2, Điều 24 của Quy định này.

Điều 27. Cấp giấy phép thi công nút giao đầu nối vào tỉnh lộ

1. Sau khi có văn bản chấp thuận thiết kế và phương án tổ chức giao thông của Sở Giao thông Vận tải, chủ đầu tư hoặc nhà thầu thi công công trình xây dựng mới, nâng cấp, cải tạo... phải thực hiện các thủ tục dưới đây:

- a) Hoàn chỉnh hồ sơ thiết kế và phương án tổ chức giao thông của nút giao theo ý kiến chấp thuận của Sở Giao thông Vận tải.
- b) Thẩm định hoặc trình cơ quan có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt thiết kế công trình theo quy định.
- c) Gửi hồ sơ đến Sở Giao thông Vận tải đề nghị cấp phép thi công công trình.

2. Trình tự cách thức thực hiện theo quy định tại điểm g, Khoản 2 Điều 24 của Quy định này.

3. Hồ sơ gồm:

- a) Đơn đề nghị cấp phép thi công công trình (bản chính) theo mẫu tại Phụ lục số 04 kèm theo Quy định này.
- b) Văn bản chấp thuận thiết kế nút giao đầu nối của Sở Giao thông Vận tải (bản chụp).
- c) Hồ sơ thiết kế, trong đó có biện pháp đảm bảo an toàn giao thông được cấp có thẩm quyền phê duyệt (bản chính).
- d) Số lượng hồ sơ: 02 bộ.

4. Thời hạn giải quyết 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

5. Nút giao đầu nối vào tỉnh lộ phải được Sở Giao thông Vận tải nghiệm thu và chấp thuận đưa vào khai thác.

6. Chủ đầu tư xây dựng nút giao chịu trách nhiệm về chất lượng công trình nút giao, an toàn giao thông, bền vững công trình và nộp 01 bộ hồ sơ hoàn công về Sở Giao thông vận tải để lưu giữ.

7. Chủ sử dụng nút giao chịu trách nhiệm quản lý, bảo trì nút giao.

8. Đối với các dự án, công trình xây dựng trong điều kiện địa hình khó khăn, điều kiện kỹ thuật của thiết bị, cho phép mở điểm đầu nối tạm thời để làm đường công vụ vận chuyển nguyên vật liệu, vận chuyển thiết bị, máy móc; hết thời hạn được đầu nối tạm thời phải hoàn trả lại hiện trạng ban đầu của hành

lang an toàn đường bộ. Thời hạn cấp phép tạm thời không quá 12 tháng, trường hợp phải gia hạn thì tổng thời gian mở điểm đầu nối tạm cũng không quá 24 tháng. Trình tự, thủ tục và thời hạn giải quyết thực hiện như các Khoản 1,2, 3 và 4 của Điều này.

Chương V **QUY ĐỊNH VỀ TUẦN TRA, KIỂM TRA** **BẢO VỆ KẾT CẤU HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ**

Điều 28. Công tác tuần đường, tuần kiểm đường bộ

1. Công tác tuần đường:

- a) Nhân viên tuần đường được bố trí chuyên trách ở Đơn vị bảo trì đường bộ;
- b) Nhiệm vụ tuần đường bao gồm: Theo dõi tổ chức giao thông, tai nạn giao thông, tình trạng công trình đường bộ; phát hiện kịp thời hư hỏng hoặc các hành vi xâm phạm công trình đường bộ, các hành vi lấn chiếm, sử dụng trái phép đất của đường bộ, hành lang an toàn đường bộ; xử lý hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền xử lý;

c) Nhiệm vụ tuần đường được thực hiện tất cả các ngày trong năm.

2. Công tác tuần kiểm đường bộ:

- a) Tuần kiểm viên được bố trí chuyên trách thực hiện nhiệm vụ tuần kiểm đường bộ;

b) Nhiệm vụ tuần kiểm đường bộ bao gồm: Theo dõi, giám sát kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ của nhân viên tuần đường và của Đơn vị bảo trì đường bộ; xử lý hoặc phối hợp xử lý các hành vi xâm phạm công trình đường bộ, lấn chiếm, sử dụng trái phép đất của đường bộ, hành lang an toàn đường bộ;

c) Nhiệm vụ tuần kiểm đường bộ được thực hiện tối thiểu 01 (một) lần/01 (một) tuần.

3. Đối với Dự án đường bộ thực hiện đầu tư theo hình thức BOT, BTO, PPP, doanh nghiệp dự án tổ chức hoạt động tuần đường theo quy định tại Quy định này; chịu sự quản lý của nhà đầu tư và hướng dẫn chuyên môn nghiệp vụ của Sở Giao thông Vận tải.

4. Các công trình cầu đặc biệt, ngoài việc thực hiện theo quy định của Quy định này còn thực hiện theo quy định riêng về quản lý, bảo vệ, bảo trì và khai thác của công trình đó.

Điều 29. Tuần tra, kiểm tra phạm vi đất của đường bộ

1. Nhân viên tuần đường:

- a) Phát hiện tình trạng bất thường, sự cố của công trình đường bộ, các công trình khác ảnh hưởng đến an toàn giao thông và tai nạn, ùn tắc giao thông (chụp ảnh hiện trạng hư hỏng, tai nạn và báo cáo kịp thời);

b) Đối với công trình đường bộ:

Thống kê, nắm rõ số lượng, vị trí, tình trạng chi tiết của công trình đường bộ trong đoạn tuyến được giao; kiểm tra thường xuyên để phát hiện hư hỏng, sự xâm hại công trình; báo cáo Đơn vị bảo trì đường bộ và Tuần kiểm viên để có biện pháp xử lý;

Trường hợp hư hỏng nhỏ, việc xử lý không cần vật tư thiết bị (cọc tiêu, biển báo bị xiêu vẹo; bu lông bị lỏng, tuột; đá lấn, cây đổ, vật liệu rơi vãi trên đường hoặc các hư hỏng tương tự khác), nhân viên tuần đường thực hiện hoặc yêu cầu công nhân bảo trì thường xuyên xử lý ngay;

Trường hợp hư hỏng lớn, sửa chữa cần vật tư, thiết bị, phải có biện pháp báo hiệu cho người tham gia giao thông biết để phòng tránh, đồng thời, báo cáo Đơn vị bảo trì đường bộ, báo cáo Tuần kiểm viên để có giải pháp xử lý kịp thời.

c) Đối với giao thông trên tuyến:

Khi xảy ra ùn, tắc hoặc tai nạn giao thông, nhân viên tuần đường phải có mặt để thu thập thông tin, sơ bộ xác định nguyên nhân và đề xuất giải pháp xử lý; thực hiện hoặc phối hợp với các lực lượng chức năng hướng dẫn, điều hành giao thông;

Theo dõi việc thi công công trình trên đường bộ đang khai thác, nhắc nhở nhà thầu thi công bảo đảm an toàn giao thông; nếu phát hiện các hành vi gây mất an toàn giao thông báo cáo ngay Tuần kiểm viên để xử lý kịp thời.

d) Công tác quản lý, bảo vệ phạm vi đất của đường bộ:

Phát hiện kịp thời, lập biên bản xác nhận hành vi vi phạm, báo cáo Đơn vị quản lý, bảo trì đường bộ và Tuần kiểm viên xử lý đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1, 2, 3 Điều 8 và khoản 2 Điều 35 Luật Giao thông đường bộ.

2. Tuần kiểm viên:

a) Kiểm tra, giám sát việc thực hiện nhiệm vụ của nhân viên tuần đường và của nhà thầu bảo trì đường bộ.

b) Phát hiện kịp thời điểm đen, điểm tiềm ẩn tai nạn giao thông và đề xuất phương án xử lý; thu thập và lập biểu theo dõi các vụ tai nạn theo quy định.

c) Kiểm tra giấy phép thi công, phát hiện và lập biên bản vi phạm, đình chỉ hành vi vi phạm theo thẩm quyền được pháp luật quy định; báo cáo cấp có thẩm quyền xử lý.

d) Đình chỉ hành vi vi phạm, lập biên bản vi phạm theo thẩm quyền được pháp luật quy định, phối hợp với các cơ quan chức năng, chính quyền địa phương ngăn chặn, xử lý các hành vi bị nghiêm cấm quy định tại điểm d, khoản 1, điều này.

đ) Tham gia kiểm tra định kỳ, kiểm tra đột xuất công trình đường bộ; đề xuất kế hoạch sửa chữa với cơ quan quản lý đường bộ.

Điều 30. Tuần tra, kiểm tra hành lang an toàn đường bộ

1. Nhân viên tuần đường:

a) Thống kê, nắm rõ hệ thống cọc mốc giải phóng mặt bằng, cọc mốc lộ giới, hiện trạng phạm vi hành lang an toàn đường bộ của đoạn tuyến được giao quản lý.

b) Phát hiện kịp thời hành vi vi phạm quy định về quản lý, bảo vệ hành lang an toàn đường bộ; lập biên bản xác nhận hành vi vi phạm, báo cáo Lãnh đạo nhà thầu bảo trì đường bộ và Tuần kiểm viên.

2. Tuần kiểm viên:

a) Kiểm tra, giám sát việc thực hiện nhiệm vụ của Nhân viên tuần đường và của nhà thầu bảo trì đường bộ.

b) Đình chỉ hành vi, lập biên bản vi phạm theo thẩm quyền được pháp luật quy định, báo cáo cơ quan quản lý đường bộ được quy định tại khoản 2, Điều của quy định này và phối hợp với các cơ quan chức năng, chính quyền địa phương xử lý hành vi vi phạm quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

Điều 31. Trách nhiệm của Nhân viên tuần đường, Tuần kiểm viên

1. Nhân viên tuần đường:

a) Chủ động nhắc nhở, giải thích, hướng dẫn các đối tượng vi phạm chấp hành quy định của pháp luật nhằm ngăn chặn ngay từ ban đầu hành vi vi phạm;

b) Báo cáo kịp thời hành vi vi phạm, sự cố gây mất an toàn giao thông và kết quả xử lý ban đầu cho nhà thầu bảo trì đường bộ và Tuần kiểm viên để có biện pháp xử lý kịp thời;

c) Tất cả các diễn biến về thời tiết, tình trạng cầu, đường, tình hình vi phạm công trình và hành lang an toàn đường bộ (kể cả các biên bản và ý kiến giải quyết) trong ca làm việc đều được ghi chi tiết vào sổ Nhật ký tuần đường. Cuối ca làm việc phải báo cáo kết quả và trình Nhật ký tuần đường cho Lãnh đạo nhà thầu bảo trì đường bộ;

d) Trong một ngày làm việc, mỗi vị trí trên tuyến phải được kiểm tra ít nhất một lần; đối với những công trình như cầu yếu, các vị trí có nguy cơ mất an toàn giao thông, các vị trí thường xảy ra tình trạng vi phạm quy định bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, phải kiểm tra ít nhất 02 (hai) lần;

đ) Nhân viên tuần đường chịu trách nhiệm trước Lãnh đạo đơn vị bảo trì đường bộ về kết quả thực hiện nhiệm vụ và chịu sự kiểm tra, giám sát của Tuần kiểm viên;

e) Khi thực hiện nhiệm vụ, Nhân viên tuần đường phải mặc đồng phục và mang trang thiết bị cần thiết theo quy định tại Điều 34 của Quy định này; Nhân viên tuần đường phải đeo biển hiệu ở phía trên túi áo bên phải và có quyết định giao nhiệm vụ của Đơn vị bảo trì đường bộ.

2. Tuần kiểm viên:

a) Kiểm tra, nhận xét kết quả thực hiện nhiệm vụ của Nhân viên tuần đường và Đơn vị bảo trì đường bộ;

b) Phối hợp với nhà thầu bảo trì đường bộ, chính quyền địa phương và các cơ quan chức năng xử lý kịp thời các hành vi vi phạm, sự cố gây mất an toàn giao thông; trường hợp cần thiết phải báo cáo cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền được quy định tại khoản 2, Điều 2 của quy định này.

c) Hàng tuần, Tuần kiểm viên kiểm tra nội dung ghi chép trong sổ Nhật ký tuần đường và ghi ý kiến xử lý, đồng thời ký tên dưới ý kiến đó;

d) Tuần kiểm viên chịu trách nhiệm trước Lãnh đạo Sở Giao thông vận tải và UBND cấp huyện về kết quả thực hiện nhiệm vụ;

đ) Khi thực hiện nhiệm vụ, yêu cầu Tuần kiểm viên phải mặc đồng phục và mang trang thiết bị cần thiết theo quy định tại Điều 34 tại Quy định này; Tuần kiểm viên phải đeo biển hiệu ở phía trên túi áo bên phải và có quyết định giao nhiệm vụ của Sở Giao thông vận tải, Ủy ban nhân dân cấp huyện.

Điều 32. Trình độ, năng lực của Nhân viên tuần đường, Tuần kiểm

1. Nhân viên tuần đường có trình độ chuyên môn từ trung cấp nghề chuyên ngành đường bộ hoặc công nhân bậc 5 (năm) trở lên; hiểu biết pháp luật, có năng lực tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn và giải thích pháp luật về giao thông đường bộ.

2. Tuần kiểm viên có trình độ chuyên môn từ cao đẳng chuyên ngành cầu đường bộ trở lên.

Điều 33. Tổ chức hoạt động tuần đường, tuần kiểm đường bộ

1. Nhân viên tuần đường phụ trách một đoạn tuyến hoặc công trình cầu, hầm phù hợp nội dung, nhiệm vụ tuần đường; chiều dài đoạn tuyến quy định như sau:

a) Đường cấp I, II: từ 20 đến 25km/người.

b) Đường cấp III: từ 25 đến 30km/người đối với đường qua đô thị; từ 30 đến 35km/người đối với đường ngoài đô thị.

c) Đường cấp IV, V, VI: từ 30 đến 35km/người đối với đường miền núi; từ 40 đến 45km/người đối với đường đồng bằng, trung du.

d) Đối với đường chưa vào cấp theo Tiêu chuẩn thiết kế đường ô tô (TCVN 4054-05), không bố trí tuần đường mà thực hiện việc kiểm tra theo quy định tại khoản 6, Điều 8 của Quy định này.

2. Tuần kiểm viên phụ trách một đoạn tuyến theo quyết định giao nhiệm vụ của cơ quan quản lý đường bộ.

3. Kinh phí hoạt động của nhân viên tuần đường và tuần kiểm viên được trích từ nguồn vốn quản lý, bảo trì đường bộ được cấp hàng năm.

Điều 34. Trang phục, thiết bị phục vụ công tác tuần đường, tuần kiểm

Thực hiện theo quy định tại các Điều 13, 14 của Thông tư 47/2012/TT-BGTVT.

Chương VI
QUY ĐỊNH VỀ TẢI TRỌNG XE, KHỔ GIỚI HẠN
CỦA ĐƯỜNG BỘ, LƯU HÀNH XE QUÁ TẢI TRỌNG, XE QUÁ
KHỔ GIỚI HẠN, XE BÁNH XÍCH TRÊN ĐƯỜNG BỘ

Điều 35. Hàng siêu trường, siêu trọng, phương tiện vận chuyển hàng siêu trường siêu trọng.

1. Hàng siêu trường, hàng siêu trọng

Quy định về hàng siêu trường, siêu trọng thực hiện theo quy định tại Điều 12 Thông tư số 07/2010/TT-BGTVT.

2. Phương tiện vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng

Phương tiện vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng là loại xe chuyên dùng để vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng phải có kích thước và trọng tải phù hợp với kiện hàng vận chuyển và tuân thủ theo các điều kiện quy định ghi trong giấy phép lưu hành. Trong trường hợp cần thiết có thể cải tạo, gia cố tăng cường khả năng chịu tải của phương tiện nhưng phải theo thiết kế được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

3. Phương tiện vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng lưu hành trên đường bộ phải có Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường còn hiệu lực.

Điều 36. Xe bánh xích gây hư hại mặt đường, xe quá tải, quá khổ giới hạn của đường bộ

1. Xe bánh xích gây hư hại mặt đường là loại xe di chuyển bằng bánh xích mà khi chạy trên đường, răng của bánh xích cắm trên mặt đường làm hư hại mặt đường.

2. Xe quá tải trọng của đường bộ là phương tiện giao thông cơ giới đường bộ có tổng trọng lượng bao gồm trọng lượng xe và hàng hóa xếp trên xe vượt quá khả năng chịu tải của cầu hoặc xe có tải trọng trục xe vượt quá năng lực chịu tải của đường.

3. Xe quá khổ giới hạn được phép lưu hành trên đường bộ (xe quá khổ giới hạn) là phương tiện giao thông cơ giới đường bộ có một trong các kích thước bao ngoài kể cả hàng hóa xếp trên xe vượt quá kích thước tối đa cho phép quy định cho phương tiện giao thông cơ giới đường bộ khi tham gia giao thông.

4. Tải trọng trục xe và tổng trọng lượng của xe

Thực hiện theo quy định tại Điều 16 Thông tư số 07/2010/TT-BGTVT.

5. Xếp hàng hóa trên phương tiện giao thông cơ giới đường bộ

Thực hiện theo quy định tại Điều 17 và Điều 18 Thông tư số 07/2010/TT-BGTVT.

6. Việc lưu hành xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe bánh xích trên đường bộ phải đảm bảo an toàn giao thông và an toàn cho công trình đường bộ. Khi lưu hành trên đường bộ phải có giấy phép lưu hành do cơ quan có thẩm

quyền cấp được quy định tại Điều 37 của Quy định này và tuân thủ các quy định ghi trong giấy phép lưu hành xe.

7. Xe quá tải, quá khổ khi lưu thông trên đường đô thị, thị trấn, thị tứ, đường xã trên địa bàn tỉnh phải tuân thủ theo biển báo hiệu số 115 “hạn chế tải trọng xe”; biển số 116 “hạn chế trọng lượng trên trục xe”.

Điều 37. Cấp phép lưu hành xe bánh xích gây hư hại mặt đường, xe quá tải, quá khổ

1. Chỉ cấp Giấy phép lưu hành xe bánh xích, xe quá tải, quá khổ trên từng đoạn đường, tuyến đường bộ cụ thể và trong những trường hợp đặc biệt, khi không còn phương án vận chuyển nào khác phù hợp hơn hoặc không thể sử dụng chủng loại phương tiện vận tải đường bộ nào khác phù hợp hơn để vận chuyển trên đoạn, tuyến đường bộ đó.

2. Không cấp giấy phép lưu hành cho xe quá khổ giới hạn đối với trường hợp chờ hàng hóa có thể tháo rời (chia nhỏ) hoặc xe bánh xích không thực hiện các biện pháp bắt buộc khi tham gia giao thông trên đường bộ.

3. Trường hợp xe bánh xích, xe quá tải, quá khổ vượt quá năng lực chịu tải của cầu, đường mà phải gia cố thì cá nhân, tổ chức có nhu cầu lưu hành phải chịu trách nhiệm chi phí thiết kế gia cố và thực hiện gia cố. Cơ quan có thẩm quyền chỉ cấp giấy phép lưu hành sau khi đã hoàn thành việc gia cố cầu, đường đáp ứng khả năng chịu tải do xe quá tải, quá khổ gây ra.

4. Thời hạn có hiệu lực của giấy phép lưu hành

a). Các xe quá tải, quá khổ không thuộc loại xe vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng và khi lưu hành không kèm điều kiện bắt buộc như đi theo làn cố định, có xe dẫn đường, hộ tống hoặc các điều kiện khác:

Thời hạn là thời gian cho từng chuyến vận chuyển hoặc từng đợt vận chuyển nhưng không quá 60 ngày đối với lưu hành trên tuyến đường bộ mới cải tạo nâng cấp đồng bộ.

Thời hạn là thời gian cho từng chuyến vận chuyển hoặc từng đợt vận chuyển nhưng không quá 30 ngày đối với tuyến, đoạn tuyến đường bộ chưa cải tạo nâng cấp hoặc cải tạo nâng cấp chưa đồng bộ.

b) Các xe quá tải, quá khổ có các điều kiện bắt buộc như đi theo làn cố định, có xe dẫn đường, hộ tống hoặc các điều kiện khác hoặc các loại xe siêu trường, siêu trọng: Thời hạn là thời gian cho từng chuyến vận chuyển hoặc từng đợt vận chuyển nhưng không quá 30 ngày.

c) Các xe bánh xích tự di chuyển trên đường, thời hạn là thời gian từng đợt đi từ nơi đi đến nơi đến.

d) Thời hạn có hiệu lực của xe bánh xích, xe quá tải, quá khổ quy định tại các điểm a,b,c khoản này không được vượt quá thời hạn có hiệu lực quy định trong Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phương tiện.

Điều 38. Hồ sơ và thời gian xét cấp giấy phép lưu hành

1. Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép lưu hành.

a) Đơn đề nghị cấp giấy phép lưu hành xe quá tải, quá khổ, xe bánh xích theo mẫu tại phụ lục số 06 và số 07 kèm theo Quy định này; kèm theo đơn có vẽ sơ đồ xe ghi đầy đủ các kích thước bao ngoài, khoảng cách các trục xe, chiều dài đuôi xe. Đơn đề nghị cấp phép là bản chính, ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu; trường hợp đơn đề nghị không có dấu thì người đứng đơn (chủ xe, chủ hàng hoặc người khiên phương tiện) phải trực tiếp đến làm thủ tục và xuất trình giấy phép lái xe, chứng minh thư nhân dân của người đứng đơn.

b) Bản chụp giấy đăng ký phương tiện hoặc giấy đăng ký tạm đối với xe mới nhận.

c) Bản chụp kết quả kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ còn hiệu lực. Trường hợp xe mới nhận chỉ cần chụp tính năng kỹ thuật của xe do nhà sản xuất cung cấp.

Người đến làm thủ tục xin cấp giấy phép phải mang theo các bản chính của các bản chụp trên để đối chiếu.

2. Thời gian xem xét cấp giấy phép lưu hành không quá 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ. Trường hợp phải kiểm định cầu đường nhằm xác định khả năng để quy định điều kiện được đi hoặc gia cố cầu, đường thì thời hạn xem xét cấp không quá 02(hai) ngày làm việc kể từ ngày có kết quả kiểm định cầu đường.

Điều 39. Thẩm quyền công bố tải trọng và khổ giới hạn cầu đường

1. Giám đốc Sở Giao thông Vận tải công bố tải trọng, khổ giới hạn cầu đường trên các tuyến tỉnh lộ và các công trình khác do Sở trực tiếp quản lý theo phân cấp của Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện công bố tải trọng, khổ giới hạn cầu đường trên các tuyến đường đô thị và đường giao thông nông thôn do địa phương trực tiếp quản lý sau khi có ý kiến thỏa thuận của Sở Giao thông Vận tải.

3. Trưởng ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh công bố tải trọng, khổ giới hạn cầu đường trên các tuyến đường trong Khu kinh tế do Ban quản lý sau khi có ý kiến thỏa thuận của Sở Giao thông vận tải.

4. Các tuyến đường khác do chủ sở hữu công bố sau khi có ý kiến thỏa thuận của Sở Giao thông vận tải.

Điều 40. Thẩm quyền cấp giấy phép lưu hành

1. Giám đốc Sở Giao thông vận tải cấp giấy phép lưu hành cho xe bánh xích, xe quá tải, quá khổ kể cả xe thuộc loại siêu trường, siêu trọng hoạt động trên mạng lưới đường bộ do Sở quản lý theo phân cấp của Ủy ban nhân dân tỉnh và ủy thác của Bộ Giao thông vận tải.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện cấp giấy phép lưu hành cho xe bánh xích, xe quá tải, quá khổ kể cả xe thuộc loại siêu trường, siêu trọng hoạt

động trên mạng lưới đường bộ do địa phương quản lý theo phân cấp của Ủy ban nhân dân tỉnh.

3. Trường ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh cấp giấy phép lưu hành cho xe bánh xích, xe quá tải, quá khổ kể cả xe thuộc loại siêu trường, siêu trọng hoạt động trên mạng lưới đường bộ do Ban quản lý theo phân cấp của Ủy ban nhân dân tỉnh.

4. Các tuyến đường khác do chủ sở hữu công trình cấp giấy phép lưu hành cho xe bánh xích, xe quá tải, quá khổ kể cả xe thuộc loại siêu trường, siêu trọng hoạt động trên mạng lưới đường bộ do đơn vị quản lý.

5. Các cơ quan cấp giấy phép lưu hành phải chịu trách nhiệm về việc cấp giấy phép lưu hành, bảo đảm đúng đối tượng, giải pháp cho lưu hành phù hợp với tình trạng của phương tiện, của cầu đường và bảo đảm an toàn giao thông.

Chương VII

TRÁCH NHIỆM QUẢN LÝ VÀ BẢO VỆ KẾT CẤU HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ

Điều 41. Trách nhiệm của các cơ quan quản lý đường bộ

1. Sở Giao thông Vận tải.

a) Trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền các văn bản hướng dẫn thực hiện quản lý, bảo trì và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

b) Trực tiếp quản lý hệ thống tỉnh lộ và các công trình khác theo phân cấp của UBND tỉnh; hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ban Quản lý khu kinh tế tỉnh và các chủ sở hữu khác thực hiện công tác quản lý, bảo trì và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên địa bàn quản lý.

c) Kiểm tra, thanh tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về quản lý, bảo vệ công trình giao thông đường bộ trên địa bàn tỉnh.

d) Phối hợp với UBND cấp huyện và các cơ quan liên quan tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về quản lý, bảo trì và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; giải tỏa các công trình trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ thuộc các tuyến tỉnh lộ.

đ) Xây dựng kế hoạch, tổ chức, kiểm tra thực hiện công tác phòng chống lụt bão và khắc phục hư hỏng công trình đường bộ do thiên tai, dịch họa gây ra trên các tuyến tỉnh lộ, Quốc lộ ủy thác; tổ chức ứng cứu các công trình trọng điểm, công trình giao thông trên địa bàn khi có lệnh của Ban phòng chống lụt bão tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

e) Chỉ đạo Thanh tra Sở Giao thông Vận tải chủ trì, phối hợp với đơn vị trực tiếp quản lý đường bộ thực hiện công tác bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên các tuyến đường thuộc phạm vi quản lý.

g) Cấp, thu hồi Giấy phép thi công, đình chỉ hoạt động gây mất an toàn giao thông, an toàn công trình đường bộ trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên các tuyến tỉnh lộ; Cấp, thu hồi giấy phép lưu hành cho xe bánh xích, xe quá tải, quá khổ giới hạn cầu đường, xe vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng hoạt động trên các tuyến tỉnh lộ và các công trình do Sở quản lý theo phân cấp của Ủy ban nhân dân tỉnh.

h) Xây dựng kế hoạch vốn phục vụ công tác quản lý, bảo trì, bảo vệ và giải tỏa hành lang an toàn đường bộ đối với hệ thống tỉnh lộ; thống nhất với Sở Tài chính đưa vào dự toán ngân sách địa phương, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét trình Hội đồng nhân dân tỉnh, quyết định; phân khai chi tiết nguồn vốn được bố trí.

2. Ủy ban nhân dân cấp huyện.

a) Quản lý, bảo trì và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ thuộc huyện, thị xã, thành phố quản lý; quản lý, lập quy hoạch đầu nối các tuyến đường trên địa bàn cấp huyện vào đường tỉnh trình Sở Giao thông Vận tải thỏa thuận và phê duyệt.

b) Bố trí ngân sách hàng năm vào đầu năm để thực hiện quản lý, bảo trì và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên các tuyến đường huyện, đường đô thị theo định mức quản lý và bảo dưỡng thường xuyên do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành.

c) Tổ chức tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật các quy định về phạm vi đất dành cho đường bộ, bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

d) Quản lý, sử dụng đất trong và ngoài hành lang an toàn đường bộ theo quy định của pháp luật; xử lý kịp thời các trường hợp lấn, chiếm, sử dụng trái phép đất hành lang an toàn đường bộ.

đ) Phối hợp với Thanh tra Sở Giao thông Vận tải, đơn vị quản lý công trình đường bộ và các lực lượng liên quan thực hiện các biện pháp bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

e) Tổ chức thực hiện các biện pháp bảo vệ hành lang an toàn đường bộ, chống lấn chiếm, cưỡng chế dỡ bỏ các công trình xây dựng trái phép để giải tỏa hành lang an toàn đường bộ.

g) Huy động mọi lực lượng, vật tư, thiết bị để bảo vệ công trình, kịp thời khôi phục giao thông khi bị thiên tai, dịch họa.

h) Cấp, thu hồi giấy phép thi công, đình chỉ hoạt động gây mất an toàn giao thông, an toàn công trình đường bộ trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên các tuyến đường huyện, đường đô thị theo đúng quy định hiện hành; Cấp, thu hồi giấy phép lưu hành cho xe bánh xích, xe quá tải, quá khổ giới hạn cầu đường, xe vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng hoạt động trên các tuyến đường thuộc phạm vi quản lý.

i) Tổ chức triển khai công tác quản lý bảo trì hệ thống đường bộ cấp huyện theo đúng nội dung quy định tại Quyết định số 35/2011/QĐ-UBND ngày

23/11/2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh về Quy chế quản lý nhà nước trong duy tu, bảo dưỡng và bảo trì đường giao thông nông thôn.

3. Ủy ban nhân dân cấp xã

a) Quản lý, bảo trì và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên địa bàn cấp xã quản lý.

b) Bố trí kinh phí để thực hiện việc quản lý, bảo trì và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên địa bàn xã.

c) Tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật các quy định về phạm vi đất dành cho đường bộ, bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ. Quản lý, sử dụng đất trong và ngoài hành lang an toàn đường bộ theo quy định của pháp luật; xử lý kịp thời các trường hợp lấn, chiếm, sử dụng trái phép đất hành lang an toàn đường bộ.

d) Phối hợp với đơn vị quản lý đường bộ và các lực lượng liên quan thực hiện các biện pháp bảo vệ công trình đường bộ. Thực hiện việc cấp phép thi công trên các tuyến đường xã trên địa bàn xã, phường, thị trấn.

đ) Tổ chức thực hiện các biện pháp bảo vệ hành lang an toàn đường bộ, chống lấn chiếm, cưỡng chế dỡ bỏ các công trình xây dựng trái phép để giải toả hành lang an toàn đường bộ.

e) Huy động mọi lực lượng, vật tư, thiết bị để bảo vệ công trình, kịp thời khôi phục giao thông khi bị thiên tai, địch họa.

4. Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh

a) Quản lý, bảo trì và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ thuộc trách nhiệm quản lý theo phân cấp của Ủy ban nhân dân tỉnh.

b) Phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã và các cơ quan liên quan tổ chức tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về phạm vi đất dành cho đường bộ, quy định về bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; xử lý kịp thời các trường hợp lấn, chiếm, sử dụng trái phép đất hành lang an toàn đường bộ.

c) Phối hợp với Thanh tra Sở Giao thông Vận tải, Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã, đơn vị quản lý công trình đường bộ và các lực lượng liên quan thực hiện các biện pháp bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; tổ chức thực hiện các biện pháp bảo vệ hành lang an toàn đường bộ, chống lấn chiếm, tái lấn chiếm, cưỡng chế dỡ bỏ các công trình xây dựng trái phép để giải toả hành lang an toàn đường bộ.

d) Huy động mọi lực lượng, vật tư, thiết bị để bảo vệ công trình giao thông, kịp thời khôi phục giao thông khi bị thiên tai, địch họa.

e) Cấp, thu hồi giấy phép thi công, đình chỉ hoạt động gây mất an toàn giao thông, an toàn công trình đường bộ trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên các tuyến đường được giao quản lý theo đúng quy định hiện hành; cấp, thu hồi giấy phép lưu hành cho xe bánh xích, xe quá tải, quá khổ giới

hạn cầu đường, xe vận vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng hoạt động trên các tuyến đường thuộc phạm vi quản lý theo phân cấp của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 42. Trách nhiệm của các Sở, ban, ngành và đơn vị liên quan

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư trong quá trình thẩm định, phê duyệt các quy hoạch, các dự án đầu tư xây dựng công trình, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật và cấp Giấy chứng nhận đầu tư phải tuân thủ đúng các quy định về quản lý, bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

2. Sở Xây dựng có trách nhiệm chỉ đạo, hướng dẫn lập và quản lý quy hoạch xây dựng theo thẩm quyền; hướng dẫn quản lý xây dựng ngoài hành lang an toàn đường bộ; chủ trì, phối hợp với Sở Giao thông Vận tải và Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện chức năng quản lý Nhà nước về kết cấu hạ tầng giao thông đô thị;

3. Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn có trách nhiệm chỉ đạo, hướng dẫn việc thực hiện quy hoạch và xây dựng hệ thống công trình thủy lợi có liên quan đến công trình đường bộ; hướng dẫn việc sử dụng đất hành lang an toàn đường bộ để canh tác nông nghiệp bảo đảm an toàn công trình đường bộ; hướng dẫn việc khảo sát, đo đạc, sử dụng đất hành lang giao thông theo quy định của pháp luật.

4. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm chủ trì phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp huyện, Sở Giao thông Vận tải thực hiện việc quản lý đất thuộc đất hành lang an toàn đường bộ theo quy định của pháp luật.

5. Sở Công Thương có trách nhiệm chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện việc quy hoạch và xây dựng hệ thống cửa hàng xăng dầu, công trình điện và các cơ sở dịch vụ khác dọc theo đường bộ phải tuân thủ các quy định về quản lý, bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ và an toàn giao thông.

6. Sở Nội vụ có trách nhiệm phối hợp với Sở Giao thông Vận tải hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn về thực hiện công tác quản lý, bảo trì đường bộ và xác định biên chế khi xây dựng đề án vị trí việc làm theo quy định.

7. Sở Tài chính có trách nhiệm:

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Giao thông Vận tải bố trí nguồn ngân sách Nhà nước hoặc có nguồn gốc từ ngân sách Nhà nước theo quy định của Luật Ngân sách để thực hiện công tác quản lý, bảo trì, bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ và giải tỏa hành lang an toàn đường bộ.

b) Kiểm tra việc sử dụng Ngân sách Nhà nước cho việc quản lý, bảo trì, bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ và giải tỏa hành lang an toàn đường bộ đối với đường tỉnh bảo đảm sử dụng đúng mục đích.

c) Phối hợp với Quỹ bảo trì đường bộ tỉnh tổ chức thu, quản lý và phân bổ nguồn kinh phí Quỹ bảo trì đường bộ theo đúng các quy định của pháp luật.

8. Sở Thông tin và Truyền thông:

Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng và tổ chức thực hiện các quy hoạch ngành thông tin và truyền thông trên địa bàn; chỉ đạo các doanh nghiệp

thông tin và truyền thông phát triển hạ tầng kỹ thuật phải bảo đảm kỹ thuật, mỹ quan và an toàn công trình đường bộ.

9. Sở Văn hóa - Thể thao và Du lịch.

Chủ trì thực hiện quy hoạch và xây dựng các công trình pa nô, quảng cáo... liên quan đến phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ phải bảo đảm kỹ thuật, mỹ quan và an toàn công trình đường bộ.

10. Quỹ Bảo trì đường bộ tỉnh.

Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Giao thông Vận tải, phân khai chi tiết nguồn vốn bảo trì đường bộ đã được Ủy ban nhân dân tỉnh giao chỉ tiêu hàng năm cho các cơ quan quản lý đường bộ.

11. Công an tỉnh.

a) Chỉ đạo, hướng dẫn lực lượng trong ngành kiểm tra, xử lý vi phạm pháp luật về bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ theo thẩm quyền;

b) Phối hợp với Sở Giao thông Vận tải, Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã thực hiện chức năng quản lý nhà nước về bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

c) Phối hợp với Sở Giao thông Vận tải lập phương án phối hợp bảo vệ các công trình đường bộ, đặc biệt trong công tác xử lý các trường hợp vi phạm lấn chiếm hành lang an toàn đường bộ;

d) Chỉ đạo các đơn vị cơ sở tham mưu cho Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố xây dựng và thực hiện quy trình cưỡng chế các trường hợp vi phạm lấn chiếm, tái lấn chiếm hành lang đường bộ và xây dựng phương án, kế hoạch đảm bảo trật tự công cộng, trật tự giao thông, xử lý việc vi phạm và hỗ trợ lực lượng trong thời gian thực hiện cưỡng chế.

12. Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh

Chủ trì, phối hợp với Sở Giao thông Vận tải tổ chức bảo vệ công trình quốc phòng kết hợp với công trình đường bộ.

13. Ban Quản lý khu kinh tế tỉnh, các doanh nghiệp đầu tư xây dựng và khai thác công trình đường bộ, chủ sở hữu các công trình đường bộ chuyên dùng có trách nhiệm như quy định đối với các cơ quan quản lý đường bộ.

14. Các chủ đầu tư khi lập dự án đầu tư xây dựng mới hoặc cải tạo nâng cấp công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ phải được sự đồng ý chấp thuận bằng văn bản của cơ quan quản lý đường bộ. Cơ quan quản lý đường bộ phải xem xét và trả lời bằng văn bản trong vòng 10 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ thủ tục theo quy định.

Điều 43. Trách nhiệm của đơn vị quản lý, bảo trì công trình đường bộ

1. Lập, quản lý và sử dụng các hồ sơ tài liệu liên quan đến công tác quản lý công trình đường bộ được quy định tại Điều 16 của Quy định này.

2. Tổ chức tuân tra, kiểm tra và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ theo quy định của Bộ Giao thông Vận tải tại Thông tư số 47/2012/TT-BGTVT ngày 12/11/2012 và Quy định này của Ủy ban nhân dân tỉnh.

3. Thực hiện các nội dung khác về quản lý, bảo trì, bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ theo quy định của Luật Giao thông đường bộ, Nghị định số 11/2010/NĐ-CP, Nghị định số 100/2013/NĐ-CP, các quy định khác của Bộ Giao thông vận tải và Ủy ban nhân dân tỉnh; thực hiện việc phòng, chống và khắc phục hậu quả bão, lụt theo quy định của pháp luật về phòng, chống và khắc phục hậu quả lụt, bão.

4. Thực hiện các nội dung về quản lý, bảo trì công trình đường bộ theo các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về bảo trì, quy trình bảo trì công trình đường bộ và theo hợp đồng đã ký với cơ quan quản lý đường bộ, chủ sở hữu công trình đường bộ.

5. Theo dõi thường xuyên và cập nhật tình trạng chất lượng các công trình được giao quản lý, kịp thời phát hiện các hiện tượng hư hỏng, xuống cấp của công trình, thiết bị lắp đặt vào công trình; lập báo cáo định kỳ về tình hình chất lượng công trình đường bộ được giao quản lý, báo cáo đột xuất khi có xuất hiện hư hỏng ảnh hưởng đến an toàn giao thông và an toàn công trình.

6. Kịp thời báo cáo và phối hợp với các cơ quan có thẩm quyền xử lý các trường hợp lấn chiếm, sử dụng trái phép phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

Chương VIII

NGUỒN VỐN, THANH, QUYẾT TOÁN KINH PHÍ QUẢN LÝ, BẢO TRÌ VÀ BẢO VỆ KẾT CẤU HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ

Điều 44. Nguồn vốn quản lý, bảo trì, bảo vệ và giải tỏa hành lang an toàn đường bộ.

1. Đối với hệ thống tỉnh lộ được bố trí từ nguồn vốn của Ngân sách tỉnh, nguồn Quỹ bảo trì đường bộ và nguồn vốn khác.

2. Đối với đường đô thị được bố trí từ nguồn vốn của Ngân sách thành phố, thị xã, Quỹ bảo trì đường bộ và nguồn vốn khác.

3. Đối với các tuyến đường cấp huyện, cấp xã được bố trí từ nguồn vốn của Ngân sách cấp huyện, cấp xã và huy động các nguồn lực của địa phương, Quỹ bảo trì đường bộ và nguồn hỗ trợ của Ngân sách tỉnh.

4. Vốn quản lý, bảo trì, bảo vệ và giải tỏa hành lang an toàn đường bộ đối với đường chuyên dùng do chủ sở hữu công trình tự bố trí.

Điều 45. Thanh toán, quyết toán

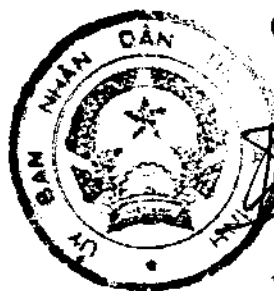
1. Việc thanh toán, quyết toán vốn quản lý, bảo trì, bảo vệ và giải tỏa hành lang an toàn đường bộ thực hiện theo Thông tư liên tịch số 230/TTLT-BTC-BGTVT ngày 27/12/2012 của Liên bộ Tài chính - Giao thông vận tải về Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng, thanh toán, quyết toán Quỹ bảo trì đường bộ.

2. Các cơ quan, đơn vị được sử dụng kinh phí quản lý, bảo trì, bảo vệ và giải toả hành lang an toàn đường bộ có trách nhiệm quản lý, quyết toán theo đúng chế độ tài chính hiện hành.

Chương IX **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

Điều 46. Trong quá trình thực hiện, nếu có gì khó khăn vướng mắc, các cơ quan, đơn vị phản ánh về Sở Giao thông vận tải đề nghị cứu, tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét bổ sung, sửa đổi cho phù hợp./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Võ Kim Cự

PHỤ LỤC 1

**Mẫu Đơn đề nghị xây dựng công trình thiết yếu
trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ**
(Ban hành kèm theo Quyết định số /2014/QĐ-UBND
ngày tháng 9 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

(1)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

(2)

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../.....

....., ngày..... tháng..... năm 201....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH THIẾT YẾU
TRONG PHẠM VI BẢO VỆ KẾT CẤU HẠ TẦNG GIAO THÔNG
ĐƯỜNG BỘ**

Chấp thuận xây dựng (...3...)

Kính gửi:(4)

- Căn cứ Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ Quy định về quản lý, bảo trì và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

- Quyết định số /2014/QĐ-UBND ngày tháng năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quy định về quản lý, bảo trì và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ địa phương trên địa bàn tỉnh;

- (...5...)

(.....2.....) đề nghị được chấp thuận xây dựng công trình (...6...) trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của (...7...).

Gửi kèm theo các tài liệu sau:

- Hồ sơ thiết kế của (...6...);

- Bản sao (...8...) Báo cáo kết quả thẩm tra Hồ sơ thiết kế của (...6...) do (...9...) thực hiện.

- (...10...)

(...2...) cam kết tự di chuyển hoặc cải tạo công trình thiết yếu và không đòi bồi thường khi ngành đường bộ có yêu cầu di chuyển hoặc cải tạo; đồng thời, hoàn chỉnh các thủ tục theo quy định của pháp luật có liên quan để công trình thiết yếu được triển khai xây dựng trong thời hạn có hiệu lực của Văn bản chấp thuận.

Địa chỉ liên hệ:

Số điện thoại:

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu VT.

(.....2.....)

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ
(ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Hướng dẫn nội dung ghi trong Đơn đề nghị

(1) Tên tổ chức hoặc cơ quan cấp trên của đơn vị hoặc tổ chức đứng Đơn đề nghị (nếu có).

(2) Tên đơn vị hoặc tổ chức đứng Đơn đề nghị chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu.

(3) Ghi vắn tắt tên công trình, địa phương; ví dụ “Chấp thuận xây dựng đường ống cấp nước sinh hoạt trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của Tỉnh lộ 548, địa phận huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh”.

(4) Tên cơ quan chấp thuận cho phép xây dựng công trình thiết yếu được quy định tại Quy định này.

(5) Văn bản cho phép chuẩn bị đầu tư hoặc phê duyệt đầu tư công trình thiết yếu của cấp có thẩm quyền.

(6) Ghi rõ, đầy đủ tên, nhóm dự án của công trình thiết yếu.

(7) Ghi rõ tên tỉnh lộ, cấp kỹ thuật của đường hiện tại và theo quy hoạch, lý trình, phía bên trái hoặc bên phải quốc lộ, các vị trí cắt ngang qua tỉnh lộ (nếu có).

(8) Bản sao có xác nhận của chủ công trình (nếu công trình thiết yếu xây lắp qua cầu, hầm hoặc các công trình đường bộ phức tạp khác).

(9) Tổ chức tư vấn (độc lập với tổ chức tư vấn lập Hồ sơ thiết kế) được phép hành nghề trong lĩnh vực công trình đường bộ.

(10) Các tài liệu khác nếu (...2...) thấy cần thiết./.

PHỤ LỤC 2

**Mẫu Đơn đề nghị gia hạn xây dựng công trình thiết yếu
trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ**
(Ban hành kèm theo Quyết định số /2014/QĐ-UBND
ngày tháng 9 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

(1)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

(2)

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../.....

....., ngày..... tháng.....năm 201.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ GIA HẠN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH THIẾT YẾU TRONG PHẠM VI BẢO VỆ KẾT CẤU HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ

Gia hạn xây dựng (...3...)

Kính gửi:(4)

- Căn cứ Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ Quy định về quản lý, bảo trì và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

- Quyết định số /2014/QĐ-UBND ngày tháng năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quy định về quản lý, bảo trì và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ địa phương trên địa bàn tỉnh;

- (...5...)

(.....2.....) đề nghị được gia hạn xây dựng công trình, nêu rõ lý do gia hạn.

Gửi kèm theo các tài liệu sau:

- Bản sao chụp Văn bản chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu;

- (...6...)

(...2...) cam kết tự di chuyển hoặc cải tạo công trình thiết yếu và không đòi bồi thường khi ngành đường bộ có yêu cầu di chuyển hoặc cải tạo; đồng thời, hoàn chỉnh các thủ tục theo quy định của pháp luật có liên quan để công trình thiết yếu được gia hạn xây dựng trong thời hạn có hiệu lực của Văn bản chấp thuận gia hạn.

Địa chỉ liên hệ:

Số điện thoại:

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu VT.

(.....2.....)

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ
(ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Hướng dẫn nội dung ghi trong Đơn đề nghị

(1) Tên tổ chức hoặc cơ quan cấp trên của đơn vị hoặc tổ chức đứng Đơn đề nghị (nếu có).

(2) Tên đơn vị hoặc tổ chức đứng Đơn đề nghị gia hạn xây dựng công trình thiết yếu.

(3) Ghi vắn tắt tên công trình, quốc lộ, địa phương; ví dụ “Gia hạn xây dựng đường ống cấp nước sinh hoạt trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của TL548, địa phận huyện Can Lộc”.

(4) Tên cơ quan chấp thuận cho phép xây dựng công trình thiết yếu được quy định tại Quy định này.

(5) Văn bản cho phép chuẩn bị đầu tư hoặc phê duyệt đầu tư công trình thiết yếu của cấp có thẩm quyền.

(6) Các tài liệu khác nếu (...2...) thấy cần thiết./.

PHỤ LỤC 3

Mẫu Đơn đề nghị chấp thuận thiết kế kỹ thuật nút giao, đường nhánh đầu nối vào tỉnh lộ

(Ban hành kèm theo Quyết định số /2014/QĐ-UBND
ngày tháng 9 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

(1)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

(2)

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../....., ngày..... tháng.....năm 201.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CHẤP THUẬN THIẾT KẾ KỸ THUẬT NÚT GIAO

ĐƯỜNG NHÁNH ĐẦU NỐI VÀO TỈNH LỘ

Chấp thuận xây dựng (...3...)

Kính gửi:(4)

- Căn cứ Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ Quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

- Quyết định số /2014/QĐ-UBND ngày tháng năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quy định về quản lý, bảo trì và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ địa phương trên địa bàn tỉnh;

- (...5...)

(.....2.....) đề nghị được chấp thuận thiết kế và phương án tổ chức giao thông của nút giao đường nhánh đầu nối (...6...).

Gửi kèm theo các tài liệu sau:

+ Quy hoạch các điểm đầu nối vào quốc lộ đã được UBND cấp tỉnh phê duyệt (bản sao có chứng thực); hoặc Văn bản chấp thuận của Bộ GTVT cho phép đầu nối đường nhánh vào quốc lộ đối với các trường hợp quốc lộ chưa có Quy hoạch các điểm đầu nối vào quốc lộ được phê duyệt (bản sao);

+ Văn bản của UBND cấp tỉnh (bản chính) giao tổ chức, cá nhân làm Chủ đầu tư nút giao nếu quy hoạch hoặc văn bản chấp thuận đơn lẻ của Bộ GTVT chưa xác định rõ chủ đầu tư nút giao;

+ Hồ sơ Thiết kế và Phương án tổ chức giao thông của nút giao (có Biện pháp tổ chức thi công bảo đảm an toàn giao thông) do Tổ chức tư vấn được phép hành nghề trong lĩnh vực công trình đường bộ lập (bản chính).

- Số lượng bộ hồ sơ: 01 bộ.

(...2...) cam kết tự di chuyển hoặc cải tạo công trình thiết yếu và không đòi bồi thường khi ngành đường bộ có yêu cầu di chuyển hoặc cải tạo; đồng thời, hoàn chỉnh các thủ tục theo quy định của pháp luật có liên

quan để công trình thiết yếu được triển khai xây dựng trong thời hạn có hiệu lực của Văn bản chấp thuận.

Địa chỉ liên hệ:

Số điện thoại:

Nơi nhận:

- Như trên;
-;
- Lưu VT.

(.....2.....)

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ
(ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Hướng dẫn nội dung ghi trong Đơn đề nghị

(1) Tên tổ chức hoặc cơ quan cấp trên của đơn vị hoặc tổ chức đứng Đơn đề nghị (nếu có).

(2) Tên đơn vị hoặc tổ chức đứng Đơn đề nghị chấp thuận thiết kế và phương án tổ chức giao thông của nút giao đường nhánh đầu nối (Do Chủ đầu tư đứng đơn).

(3) Ghi vắn tắt tên công trình, quốc lộ, địa phương; ví dụ “Chấp thuận thiết kế và phương án tổ chức giao thông của nút giao đường nhánh đầu nối tại Km..+.../Trái tuyến hoặc phải tuyến/ QL..”.

(4) Tên cơ quan chấp thuận cho phép xây dựng công trình nút giao đầu nối đường nhánh theo quy định tại Quy định này.

(5) Văn bản cho phép chuẩn bị đầu tư hoặc phê duyệt đầu tư công trình thiết yếu của cấp có thẩm quyền.

(6) Ghi rõ, đầy đủ tên tỉnh lộ, cấp kỹ thuật của đường, lý trình, phía bên trái hoặc bên phải tỉnh lộ./.

PHỤ LỤC 4

Mẫu Đơn đề nghị cấp phép thi công công trình
(Ban hành kèm theo Quyết định số /2014/QĐ-UBND
ngày tháng 9 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

(1)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

(2)

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../....., ngày..... tháng..... năm 201.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP THI CÔNG CÔNG TRÌNH

Cấp phép thi công (...3...)

Kính gửi: (...4...)

- Căn cứ Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ Quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

- Quyết định số /2014/QĐ-UBND ngày tháng năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quy định về quản lý, bảo trì và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ địa phương trên địa bàn tỉnh;

- Căn cứ (...5..);

(.....2....) đề nghị được cấp phép thi công (...6...) tại (...7...). Thời gian thi công bắt đầu từ ngày ...tháng ... năm ... đến hết ngày ...tháng ... năm ...

Xin gửi kèm theo các tài liệu sau:

+ (...5...) (bản sao có xác nhận của Chủ đầu tư).

+ (...8...) (bản chính)..

+ (...9...)

(...2...) Đối với thi công công trình thiết yếu: xin cam kết tự di chuyển hoặc cải tạo công trình và không đòi bồi thường khi ngành đường bộ có yêu cầu di chuyển hoặc cải tạo; đồng thời, hoàn chỉnh các thủ tục theo quy định của pháp luật có liên quan để công trình thiết yếu được triển khai xây dựng trong thời hạn có hiệu lực của Văn bản chấp thuận.

(...2...) Đối với thi công trên đường bộ đang khai thác: xin cam kết thực hiện đầy đủ các biện pháp bảo đảm giao thông thông suốt, an toàn theo quy định, hạn chế ùn tắc giao thông đến mức cao nhất và không gây ô nhiễm môi trường.

(...2...) xin cam kết thi công theo đúng Hồ sơ thiết kế đã được (...10...) phê duyệt và tuân thủ theo quy định của Giấy phép thi công. Nếu thi công không thực hiện các biện pháp bảo đảm giao thông thông suốt, an toàn theo quy định, để xảy ra tai nạn giao thông, ùn tắc giao thông, ô nhiễm

môi trường nghiêm trọng, (...2...) chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật.

Địa chỉ liên hệ:

Số điện thoại:

Nơi nhận:

- Như trên;

-

-

- Lưu VT.

(.....2.....)

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ
(ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Hướng dẫn ghi trong Đơn đề nghị

(1) Tên tổ chức hoặc cơ quan cấp trên của đơn vị hoặc tổ chức đứng Đơn đề nghị (nếu có).

(2) Tên đơn vị hoặc tổ chức đứng Đơn đề nghị cấp phép thi công (công trình thiết yếu hoặc thi công trên đường bộ đang khai thác);

(3) Ghi vắn tắt tên công trình hoặc hạng mục công trình đề nghị cấp phép, quốc lộ, địa phương; ví dụ “Cấp phép thi công đường ống cấp nước sinh hoạt trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của TL548, địa phận huyện Can Lộc”.

(4) Tên cơ quan cấp phép thi công;

(5) Văn bản chấp thuận xây dựng hoặc chấp thuận thiết kế công trình của cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền.

(6) Ghi đầy đủ tên công trình hoặc hạng mục công trình đề nghị cấp phép thi công.

(7) Ghi đầy rõ lý trình, tên huyện, tên tỉnh.

(8) Hồ sơ Thiết kế bản vẽ thi công (trong đó có Biện pháp tổ chức thi công đảm bảo an toàn giao thông) đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt

(9) Các tài liệu khác nếu (...2...) thấy cần thiết.

(10) Cơ quan phê duyệt Thiết kế bản vẽ thi công./.

Ghi chú:

Trên đây là các nội dung chính của mẫu Đơn đề nghị cấp giấy phép thi công, các tổ chức, cá nhân cần căn cứ từng công trình cụ thể để ghi các nội dung và gửi kèm theo văn bản liên quan cho phù hợp./.

PHỤ LỤC 5

Mẫu Giấy phép thi công

(Ban hành kèm theo Quyết định số /2014/QĐ-UBND
ngày tháng 9 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

UBND TỈNH HÀ TĨNH
SỞ GTVT, UBND.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../..... - ...

Hà Tĩnh, ngày.. tháng ... năm 201..

GIẤY PHÉP THI CÔNG

Công trình:.....(1).....

Lý trình:.....Tỉnh lộ....

- Căn cứ Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

- Quyết định số /2014/QĐ-UBND ngày tháng năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quy định về quản lý, bảo trì và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ địa phương trên địa bàn tỉnh;

- Căn cứ văn bản số:...../..... ngày.../.../200...của(2) chấp thuận thiết kế công trình...(1)....;

- Căn cứ Đơn đề nghị cấp phép thi công của....(3)... kèm theo cam kết tự đi dời và không đòi bồi thường của chủ đầu tư (5) và hồ sơ thiết kế, tổ chức thi công được duyệt.

1. Cấp cho:(3).....

- Địa chỉ.....;
- Điện thoại

2. Được phép thi công công trình:...(1)... trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng công trình giao thông đường bộ từ lý trình Km..... đến Km..... Quốc lộ..., theo hồ sơ thiết kế và tổ chức thi công được duyệt theo Quyết định số:...../..... ngày.../.../200.. của(4)...., gồm các nội dung chính như sau:

- a).....;
- b).....;

3. Các yêu cầu đối với đơn vị thi công công trình:

- Mang giấy này đến đơn vị quản lý đường bộ (trực tiếp quản lý tuyến đường) để nhận bàn giao mặt bằng hiện trường; tiến hành thực hiện các biện pháp đảm bảo an toàn giao thông theo hồ sơ tổ chức thi công được duyệt và các

quy định của pháp luật về đảm bảo an toàn giao thông khi thi công trên đất dành cho đường bộ;

- Sau khi nhận mặt bằng hiện trường, đơn vị thi công phải chịu trách nhiệm về an toàn giao thông, chịu sự kiểm tra, kiểm soát của đơn vị quản lý đường bộ, Thanh tra giao thông đường bộ và cơ quan có thẩm quyền khác;

- Kể từ ngày nhận bàn giao mặt bằng, nếu đơn vị thi công không thực hiện việc tổ chức giao thông, gây mất an toàn giao thông sẽ bị đình chỉ thi công; mọi trách nhiệm liên quan đến tai nạn giao thông và chi phí thiệt hại khác (nếu có) đơn vị thi công tự chịu, ngoài ra còn chịu xử lý theo quy định của pháp luật;

- Thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về đền bù thiệt hại công trình đường bộ do lỗi của đơn vị thi công gây ra khi thi công trên đường bộ đang khai thác;

- Khi kết thúc thi công phải bàn giao lại mặt bằng, hiện trường cho đơn vị quản lý đường bộ;

-(các nội dung khác nếu cần thiết).....

4. Thời hạn thi công:

Giấy phép thi công này có thời hạn từ ngày ../.../201...đến ngày...../...../201

Quá thời hạn quy định phải đề nghị cấp gia hạn./.

Nơi nhận:

-

- UBND tỉnh (thay b/c);

- Thanh tra GTĐB...(để p/h);

- Lưu VT...

(.....2.....)

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ
(ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Hướng dẫn nội dung ghi trong mẫu Giấy phép thi công :

(1): Ghi tên dự án, công trình cấp giấy phép thi công.

(2): Ghi tên cơ quan thẩm quyền chấp thuận thiết kế (Sở Giao thông vận tải, Ủy ban nhân dân.....).

(3): Ghi tên tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép thi công;

(4): Chủ đầu tư hoặc cơ quan có thẩm quyền (trường hợp chủ đầu tư không đủ năng lực phê duyệt thiết kế).

(5) Cam kết tự di dời và không đòi bồi thường của chủ đầu tư công trình thiết yếu, biển quảng cáo, nút giao đầu nối./.

Ghi chú: Trên đây là các nội dung chính của mẫu Giấy phép thi công. Sở Giao thông vận tải, Ủy ban nhân dân các cấp... căn cứ từng công trình cụ thể để quy định nội dung giấy phép thi công cho phù hợp./.

PHỤ LỤC 6

Mẫu giấy đề nghị cấp phép lưu hành xe quá tải, xe quá khổ giới hạn, xe vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng trên đường bộ
(Ban hành kèm theo Quyết định số /2014/QĐ-UBND
ngày tháng 9 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP LƯU HÀNH XE QUÁ TẢI TRỌNG, XE QUÁ KHỔ GIỚI HẠN, XE VẬN CHUYỂN HÀNG SIÊU TRƯỜNG, SIÊU TRỌNG TRÊN ĐƯỜNG BỘ

Kính gửi: (tên Cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép lưu hành xe)

.....

- Cá nhân, tổ chức đề nghị:

- Địa chỉ: Điện thoại:

.....

Đề nghị cấp giấy phép lưu hành cho xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn với các thông số sau:

PHƯƠNG TIỆN VẬN CHUYỂN

- Loại xe:

- Nhãn hiệu xe: Biển số đăng ký: ...

- Nhãn hiệu sơ mi rơ moóc (hoặc rơ moóc):

- Biển số đăng ký của sơ mi rơ moóc (hoặc rơ moóc):

- Kích thước bao của xe kể cả sơ mi rơ moóc: Dài x Rộng x Cao: (m)

- Kích thước bao của rơ moóc: Dài x Rộng x Cao: (m)

- Tải trọng thiết kế của xe (hoặc xe kéo sơ mi rơ moóc): (tấn)

- Tải trọng thiết kế của rơ moóc: (tấn)

- Trọng lượng bản thân xe: (tấn) Trọng lượng bản thân somiromoóc (romoóc): (tấn)

- Số trục của xe: Số trục sau của xe: Số trục của sơ mi rơ moóc:

- Số trục của rơ moóc: Số trục sau của rơ moóc:

HÀNG HÓA VẬN CHUYỂN

- Loại hàng:

- Trọng lượng hàng xin chở:

- Chiều rộng toàn bộ xe khi xếp hàng: (m) Hàng vượt hai bên thùng xe: (m)
- Chiều dài toàn bộ xe khi xếp hàng: (m) Chiều cao toàn bộ xe khi xếp hàng: (m)
- Hàng vượt phía trước thùng xe:(m) Hàng vượt phía sau thùng xe: (m)
- Tải trọng lớn nhất được phân bổ lên các trục sau khi xếp hàng hóa trên xe.
- + Trục đơn:..... tấn.
- + Trục kép: tấn; khoảng cách giữa hai trục, $d=...m$.
- + Trục ba:.....tấn, khoảng cách giữa hai trục liền kề, $d=...m$.

TUYẾN ĐƯỜNG VÀ THỜI GIAN VẬN CHUYỂN

- Tuyến đường vận chuyển (ghi đầy đủ, cụ thể tên từng đoạn tuyến đường bộ, các vị trí chuyển hướng):
- Thời gian đề nghị lưu hành: Từ đến

(Giấy đề nghị cấp giấy phép lưu hành xe phải kèm theo sơ đồ xe thể hiện rõ các kích thước: Chiều dài, chiều rộng, chiều cao của xe đã xếp hàng và khoảng cách giữa các trục xe, chiều dài đuôi xe)

....., ngày ... tháng ... năm
Đại diện cá nhân, tổ chức đề nghị
ký tên, đóng dấu

PHỤ LỤC 7

Mẫu giấy đề nghị cấp phép lưu hành xe bánh xích tự hành trên đường bộ

(Ban hành kèm theo Quyết định số /2014/QĐ-UBND

ngày tháng 9 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP LƯU HÀNH XE BÁNH XÍCH TỰ HÀNH TRÊN ĐƯỜNG BỘ

Kính gửi: (tên Cơ quan có thẩm quyền cấp giấy lưu hành)

- Cá nhân, tổ chức đề nghị:

- Địa chỉ: Điện thoại:

- Đề nghị cấp giấy phép lưu hành cho xe bánh xích:

- Biển số đăng ký (nếu có):

- Trọng lượng bản thân xe: (tấn).

- Kích thước của xe:

+ Chiều dài: (m)

+ Chiều rộng: (m)

+ Chiều cao: (m)

- Loại xích (nhọn hoặc bằng):

- Chiều rộng bánh xích mỗi bên: (m)

- Khoảng cách giữa hai mép ngoài của bánh: (m)

- Tuyến đường vận chuyển (ghi đầy đủ, cụ thể tên từng đoạn tuyến đường bộ, các vị trí chuyển hướng):

- Thời gian đề nghị lưu hành: Từ đến

....., ngày ... tháng ... năm

Đại diện cá nhân, tổ chức đề nghị
ký tên, đóng dấu

*(Giấy đề nghị cấp giấy phép lưu
hành xe phải kèm theo sơ đồ xe thể
hiện rõ các kích thước: Chiều dài,
chiều rộng, chiều cao của xe)*

PHỤ LỤC 8

Mẫu giấy phép lưu hành xe quá tải, xe quá khổ giới hạn, xe vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng

*(Ban hành kèm theo Quyết định số /2014/QĐ-UBND
ngày tháng năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh)*

**Cơ quan cấp giấy phép
lưu hành xe**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: .../SGTVT hoặc
UBND...)-GLHX

....., ngày ... tháng ... năm ...

GIẤY PHÉP LƯU HÀNH XE QUÁ TẢI TRỌNG, XE QUÁ KHỔ GIỚI HẠN, XE VẬN CHUYỂN HÀNG SIÊU TRƯỞNG, SIÊU TRỌNG TRÊN ĐƯỜNG BỘ

Có giá trị đến hết ngày ... tháng ... năm

- Căn cứ Khoản 2 Điều 28 Luật Giao thông đường bộ ngày 13/11/2008;
- Căn cứ Thông tư số 07/2010/TT-BGTVT ngày 11 tháng 02 năm 2010 của Bộ Giao thông vận tải về quy định tải trọng, quá khổ giới hạn, xe bánh xích trên đường bộ, vận chuyển hàng siêu trường siêu trọng trên đường bộ; Thông tư số 03/2011/TT-BGTVT ngày 22/02/2011 và Thông tư số 65/2013/TT-BGTVT ngày 31/12/2013 của Bộ Giao thông vận tải về sửa đổi, bổ sung Thông tư số 07/2010/TT-BGTVT ngày 11/02/2010 quy định về tải trọng, khổ giới hạn của đường bộ; lưu hành xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe bánh xích trên đường bộ; vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng; giới hạn xếp hàng hóa trên phương tiện giao thông đường bộ khi tham gia giao thông đường bộ;
- Quyết định số /2014/QĐ-UBND ngày tháng năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ địa phương trên địa bàn tỉnh;
- Xét hồ sơ đề nghị cấp giấy phép lưu hành xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn của ... (tên tổ chức, cá nhân đứng đơn) ... ngày ... tháng năm

Cho phép lưu hành xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn trên đường bộ cụ thể như sau:

Xe (nhãn hiệu xe): Biển số đăng ký:

kéo sơ mi rơ moóc/rơ moóc (mác): Biển số đăng ký: ...

Của (tên tổ chức, cá nhân chủ xe)

Với các thông số như sau:

- Loại hàng hóa: Sau khi đã tháo bớt phụ kiện (nếu có):
.....
- Kích thước toàn bộ xe sau khi xếp hàng lên xe:
 - + Chiều dài: m; Hàng vượt phía sau thùng xe: ... m; Hàng vượt phía trước thùng xe: ...m;
 - + Chiều rộng: m; Hàng vượt ra hai bên thùng xe: m;
 - + Chiều cao (tính từ mặt đường trở lên): m.
- Tổng trọng lượng của xe và hàng hóa xếp trên xe: ... tấn (trong đó trọng lượng bản thân của xe đầu kéo là ... tấn, sơ mi rơ moóc hoặc rơ moóc là ... tấn và hàng hóa là ... tấn).
- Tải trọng lớn nhất được phân bổ lên các trục sau khi xếp hàng hóa trên xe.
 - + Trục đơn:..... tấn.
 - + Trục kép: tấn; khoảng cách giữa hai tim trục, $d=...$ m.
 - + Trục ba:.....tấn, khoảng cách giữa hai tim trục liền kề, $d=...$ m.
- Nơi đi (ghi cụ thể Km/QL (ĐT), địa danh)
- Nơi đến (ghi cụ thể Km /QL (ĐT)....., địa danh)
- Các tuyến được đi: (ghi đầy đủ, cụ thể tên đoạn tuyến đường bộ được đi, các vị trí chuyển hướng, các điểm khống chế từ nơi đi đến nơi đến).....

Các điều kiện quy định khi lưu hành xe trên đường bộ

- Chủ phương tiện, người lái xe phải tuân thủ các quy định của Luật Giao thông đường bộ.
- Xe phải có hệ thống hãm đủ hiệu lực (kể cả sơ mi rơ moóc hoặc rơ moóc kéo theo). Hệ thống liên kết nối xe đầu kéo với sơ mi rơ moóc hoặc rơ moóc phải chắc chắn, bảo đảm an toàn và đúng quy định của nhà sản xuất.
- Khi qua cầu, xe chạy đúng làn với tốc độ để tránh gây xung kích và tránh gây ra sự lệch tâm làm tăng sự ảnh hưởng của tải trọng lên hệ thống dầm mặt cầu. Nghiêm cấm dừng , đỗ phanh, hãm xe trên cầu.
- Các điều kiện quy định cần thiết bảo đảm an toàn khác)
- Phải chịu sự kiểm tra, kiểm soát của các lực lượng kiểm soát giao thông trên đường.
- Khi có nhu cầu đổi lại giấy phép lưu hành mới phải nộp lại giấy này.

**Lãnh đạo cơ quan cấp giấy phép lưu
hành xe**

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

PHỤ LỤC 9

Mẫu giấy phép lưu hành xe bánh xích tự hành trên đường bộ
(Ban hành kèm theo Quyết định số /2014/QĐ-UBND
ngày tháng năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

**Cơ quan cấp giấy phép
lưu hành xe**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: .../(SGTVT hoặc
UBND...)-GLHX

....., ngày ... tháng ... năm ...

GIẤY PHÉP LƯU HÀNH XE BÁNH XÍCH TỰ HÀNH TRÊN ĐƯỜNG BỘ

Có giá trị đến hết ngày ... tháng ... năm

- Căn cứ Khoản 2 Điều 28 Luật Giao thông đường bộ ngày 13/11/2008;
- Căn cứ Thông tư số 07/2010/TT-BGTVT ngày 11 tháng 02 năm 2010 của Bộ Giao thông vận tải về quy định tải trọng, quá khổ giới hạn, xe bánh xích trên đường bộ, vận chuyển hàng siêu trường siêu trọng trên đường bộ; Thông tư số 03/2011/TT-BGTVT ngày 22/02/2011 và Thông tư số 65/2013/TT-BGTVT ngày 31/12/2013 của Bộ Giao thông vận tải về sửa đổi, bổ sung Thông tư số 07/2010/TT-BGTVT ngày 11/02/2010 quy định về tải trọng, khổ giới hạn của đường bộ; lưu hành xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe bánh xích trên đường bộ; vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng; giới hạn xếp hàng hóa trên phương tiện giao thông đường bộ khi tham gia giao thông đường bộ;
- Quyết định số /2014/QĐ-UBND ngày tháng năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ địa phương trên địa bàn tỉnh;
- Xét hồ sơ đề nghị cấp giấy phép lưu hành xe bánh xích tự hành trên đường bộ của ... (tên tổ chức, cá nhân đứng đơn) ... ngày ... tháng năm ..

Cho phép lưu hành xe bánh xích tự hành trên đường bộ cụ thể như sau:

Xe bánh xích (mác): Biển số đăng ký: ..

Của (tên tổ chức, cá nhân chủ xe)

Với các thông số như sau:

- Chiều dài: m;
- Chiều rộng: m;
- Chiều cao (tính từ mặt đường trở lên):..... m;
- Trọng lượng toàn bộ của xe: tấn;
- Loại bánh xích (bằng hay nhọn):
- + Nơi đi (ghi cụ thể Km/QL (ĐT), địa danh)

- + Nơi đến (ghi cụ thể Km / QL (ĐT)....., địa danh)
- + Các tuyến được đi: (ghi đầy đủ, cụ thể tên đoạn tuyến đường bộ được đi, các vị trí chuyển hướng, các điểm khống chế từ nơi đi đến nơi đến)

Các điều kiện quy định khi lưu hành xe trên đường bộ

- Chủ phương tiện, người lái xe phải tuân thủ các quy định của Luật Giao thông đường bộ.
- Phải bảo đảm các điều kiện an toàn kỹ thuật của xe và phải lắp guốc cho bánh xích.
- Chạy phía bên phải của chiều đi, đúng tốc độ thiết kế của xe và không quá tốc độ quy định trên đường; nhường đường cho các phương tiện khác.
- Khi qua cầu phải đi đúng tim cầu, đi với tốc độ chậm, không dừng, đỗ trên cầu.
- (các điều kiện quy định cần thiết bảo đảm an toàn khác)
- Phải chịu sự kiểm tra, kiểm soát của các lực lượng kiểm soát giao thông trên đường.
- Khi có nhu cầu đổi lại giấy phép lưu hành mới phải nộp lại giấy này.

**Lãnh đạo cơ quan cấp giấy phép lưu
hành xe**
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)